

MỤC LỤC

A. Đại cương môn học	1
B. Mục tiêu môn học	2
C. Giải thích quy trình tổng thể ERP	3
a. Quy trình xí nghiệp chung	3
b. Thao tác chức năng sổ cái và quan hệ với các kiểu mẫu	6
D. Bài mục học tập cần phải học của chức năng sổ cái	9
E. Thiết lập trước dữ liệu cơ bản	10
a. Thao tác thiết lập tham số tài chính	10
b. Thao tác lập tỷ giá	10
c. Thao tác thiết lập tham số kế toán	11
d. Thao tác thiết lập kỳ kế toán	12
e. Thao tác thiết lập hệ thống tài khoản	12
f. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ	13
F. Giải thích các quy trình	15
a. Xử lý hàng ngày-CT bình thường	15
1. Giải thích quy trình	15
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	16
b. Xử lý hàng ngày-quản lý lập/triệt tiêu tài khoản	19
1. Giải thích quy trình	19
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	20
c. Xử lý hàng ngày-quản lý trung tâm lợi nhuận	30
1. Giải thích quy trình	30
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	31
d. Quy trình thế chấp	39
1. Thuyết minh quy trình	39
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	41
e. Biến động-lấy được tài sản cố định	46
1. Giải thích quy trình	46
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	47
f. Biến động-cải tiến tài sản cố định	50
1. Giải thích quy trình	50
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	51
g. Biến động-đánh giá lại tài sản cố định	54
h. Biến động-báo phế tài sản cố định	55
1. Giải thích quy trình	55
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	56
i. Biến động-bán tài sản cố định	59

1. Giải thích quy trình	59
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	60
j. Biến động-điều chỉnh tài sản cố định.....	64
1. Giải thích quy trình	64
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	65
k. Biến động-hao mòn(khấu hao) tài sản cố định	68
1. Giải thích quy trình	68
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	69
l. Biến động-giảm bù tài sản cố định	75
m. Quy trình kết chuyển cuối tháng	76
1. Giải thích quy trình	76
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ	77

A. Đại cương môn học

- ♦ Giải thích quy trình tổng thể ERP
- ♦ Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng sổ cái tổng hợp cần học tập
- ♦ Thiết lập trước dữ liệu cơ bản
- ♦ Giải thích các quy trình
 - ✓ Thao tác hàng ngày
 - CT bình thường
 - Quản lý TK đối ứng
 - Quản lý trung tâm lợi nhuận
 - ✓ Thao tác số tiền CT liên quan với tài chính
 - Quản lý cấp vốn
 - ✓ Thao tác tài sản cố định liên quan với tài chính
 - Lấy được tài sản
 - Cải tiến tài sản
 - Đánh giá lại tài sản
 - Báo phế tài sản
 - Xuất bán tài sản
 - Điều chỉnh tài sản
 - Khấu hao tài sản
 - Giảm bù lại tài sản
 - ✓ Quy trình kết sổ hàng tháng

B. Mục tiêu môn học

Sau khi kết thúc khóa trình, bạn cần phải hiểu biết:

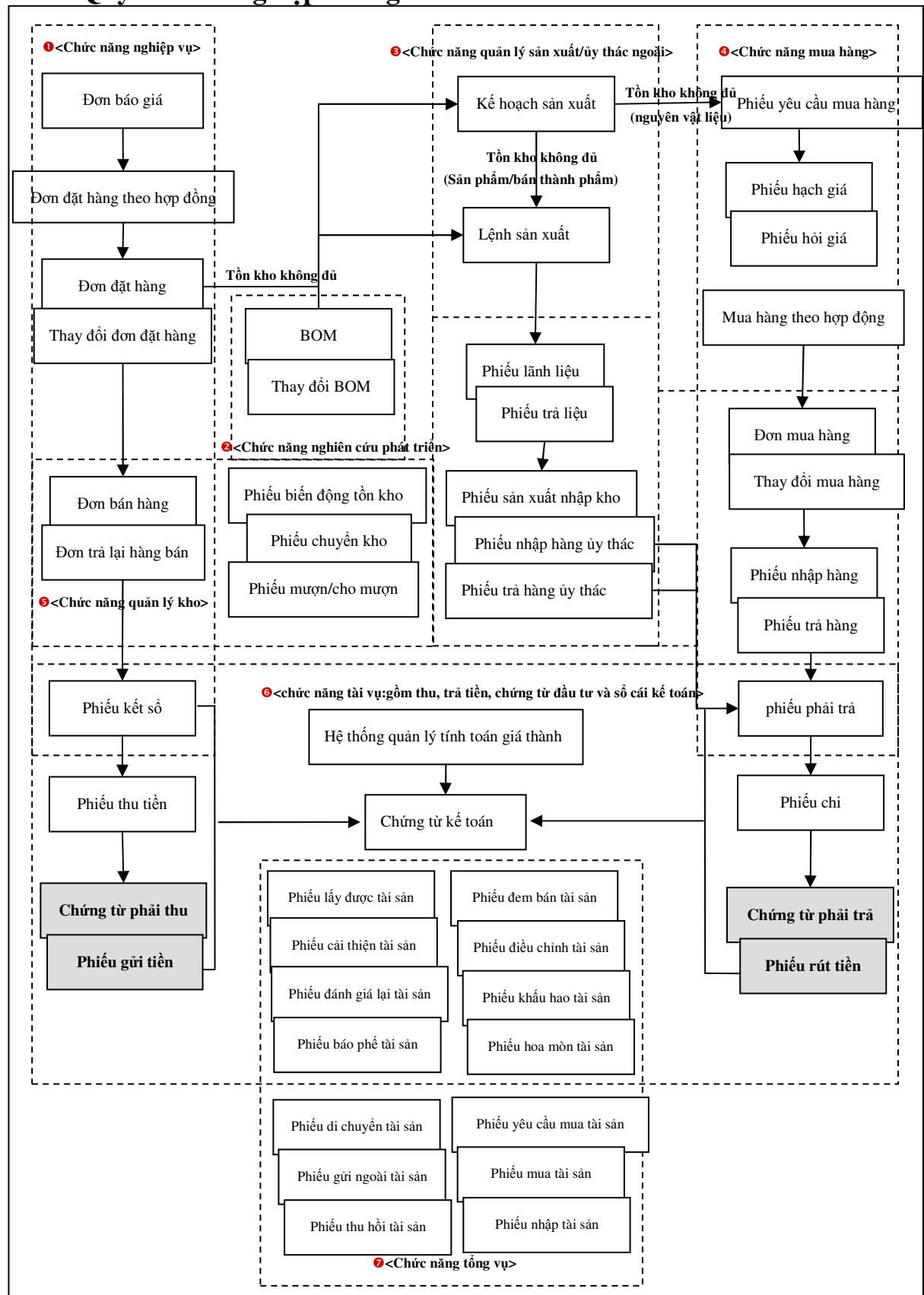
- ♦ Quy trình tổng thể ERP và vai trò của chức năng sổ cái tổng hợp
- ♦ Quan hệ giữa thao tác liên quan về chức năng sổ cái tổng hợp với các mô-đun khác
- ♦ Chức năng sổ cái tổng hợp cần nghiên cứu và học tập những đơn vị học phần nào
- ♦ Các quy trình chức năng sổ cái tổng hợp và hiểu biết điều khiển lập thao tác và in chứng từ hoặc báo biểu.

Ghi chú: Thao tác cơ bản xin học tập tại website (<http://elearning.dsc.com.tw/>) .

Hệ thống môn học	Tên môn học
Thao tác cơ bản	Thao tác cơ bản -Bài học đơn giản
	Thao tác cơ bản -Bài in chứng từ
	Thao tác cơ bản -Bài in báo biểu

C. Giải thích quy trình tổng thể ERP

a. Quy trình xí nghiệp chung

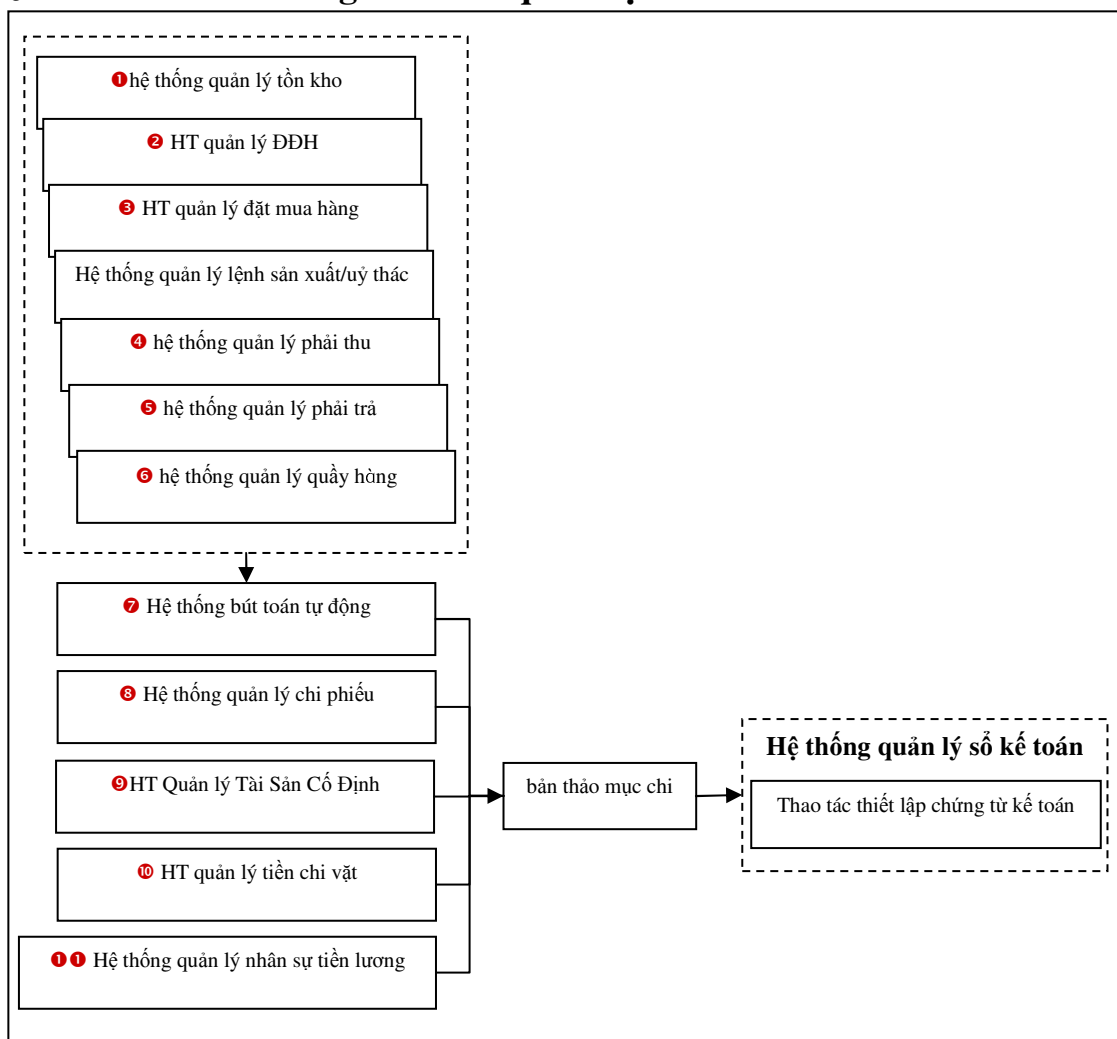


Giải thích mối liên quan giữa các chức năng:

Chức năng	Giải thích thao tác
❶ Nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Trước hết khách hàng sẽ mời nhân viên nghiệp vụ báo giá. ♦ Song phương sẽ căn cứ theo nhu cầu ký kết “Đơn đặt hàng theo hợp đồng” hoặc trực tiếp lập “Đơn đặt hàng”. ♦ Nếu số lượng tồn kho chưa đạt nhu cầu số lượng đơn đặt hàng, có thể thực hiện “Kế hoạch sản xuất”(xem chi tiết trong “Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài ❸”). ♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung đơn đặt hàng, có thể ghi chép dữ liệu trong “Thay đổi đơn đặt hàng”. ♦ Xuất hàng vào ngày theo dự định giao (Đơn bán hàng). ♦ Sau khi xuất hàng nếu khách hàng trả hàng hoặc cho chiết khấu,có thể ghi chép vào “Đơn trả lại hàng bán”.
❷ Nghiên cứu phát triển	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Trước khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, thiết lập sẵn dữ liệu dùng NVL của thành phẩm và bán thành phẩm. ♦ Nếu không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể triển khai BOM dùng NVL khi lập “Lệnh sản xuất”. ♦ Kế tiếp nếu việc dùng NVL có sự thay đổi, thì có thể ghi chép trong “Thay đổi BOM”.
❸ Quản lý sản xuất ủy thác ngoài	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu thành phẩm không đủ, có thể phát “Lệnh sản xuất”(sản xuất trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công), nếu không thực hiện “kế hoạch sản xuất”, cũng có thể tự nhập vào “Lệnh sản xuất”. ♦ Khi chính thức sản xuất có thể ghi chép lại lệnh sản xuất dùng NVL vào “phiếu lãnh/trả liệu”(tự tạo trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công). ♦ Sau khi hoàn công, nếu là tự tạo trong nhà máy thì ghi chép dữ liệu nhập kho bằng “Phiếu sản xuất nhập kho”, nếu là ủy thác ngoài gia công thì ghi chép bằng “Phiếu nhập hàng ủy thác”. ♦ Nếu sản phẩm ủy thác ngoài gia công đã nhập kho vẫn có nhu cầu trả hàng, có thể ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”.
❹ Mua sắm	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu nguyên vật liệu không đủ, có thể phát “Phiếu yêu cầu mua hàng/đơn mua hàng”. ♦ Nếu không phải yêu cầu mua theo tính sản xuất hoặc không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể nhập vào “Phiếu nhu cầu mua hàng”. ♦ Nếu xác nhận giá cả sản phẩm mua với nhà cung cấp, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Phiếu duyệt giá”. ♦ Có thể căn cứ theo tình trạng mua hàng khác nhau, có thể tìm nhà cung cấp khác hoặc hỏi giá nhà cung cấp, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép vào “Phiếu hỏi

	<p>giá”</p> <p>hoặc hỏi giá cho nhà máy, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép trong “bảng hỏi giá”.</p> <ul style="list-style-type: none"> ♦ Hỏi giá, so sánh giá, thỏa thuận giá xong, theo nhu cầu song phương có thể ký kết “Phiếu mua hàng theo hợp đồng”. ♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung của đơn mua hàng, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Thay đổi mua hàng”. ♦ Nhà cung cấp nhập hàng vào ngày nhu cầu “Phiếu nhập hàng”. ♦ Sau khi nhập hàng nếu có trả hàng hoặc nhà cung cấp cho chiết khấu, có thể ghi chép bằng “phiếu trả hàng”.
<p>⑤</p> <p>Quản lý kho</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Nhân viên quản lý kho nhận hàng sau khi nhà cung cấp nhập hàng và nhân viên quản lý chất lượng nghiệm thu (Phiếu nhập hàng), nếu sau đó có trả hàng thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng”(xem chi tiết trong “④Chức năng mua hàng”). ♦ Tiếp theo lãnh liệu sản xuất hoặc trả liệu, cũng do kho phụ trách ghi chép hoặc đếm nhận(xem “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”).sau khi sản xuất nhập kho(hoặc ủy thác ngoài nhập hàng) người quản lý chất lượng kiểm nhận xong, cũng do kho đếm nhận nhập kho, nếu có sản phẩm ủy thác ngoài gia công trả lại nhà cung cấp, thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”(xem “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”). ♦ Tiếp theo xuất hàng cho khách hàng hoặc nhận hàng trả từ khách hàng, dữ liệu sẽ ghi chép bằng “Phiếu bán hàng/phiếu trả hàng”(xem “①Chức năng nghiệp vụ”). ♦ Trừ chứng từ trên có thể ảnh hưởng số tồn kho, người quản lý kho có thể nhập “Phiếu biến động tồn kho” theo nhu cầu khác (như:nhập kho khẩn cấp), hoặc chuyển sản phẩm và nguyên vật liệu sang kho khác(Phiếu chuyển phát), hoặc mượn hàng từ nhà cung cấp hoặc cho khách hàng mượn hàng
<p>⑥</p> <p>Tài vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Bộ phận này gồm lập sổ, thu tiền của “①Chức năng nghiệp vụ”, lập sổ, thanh toán của “④chức năng mua hàng”, lập sổ, thanh toán phí ủy thác gia công, quản lý chứng từ đầu tư tuần hoàn của “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”, trong “⑦chức năng quản trị” bộ phận liên quan đến sổ cái kế toán và sau nay tổng hợp đến bộ phận sổ cái kế toán.
<p>⑦</p> <p>Tổng vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Bộ phận liên quan đến tài vụ gồm:lấy được, cải thiện, đánh giá lại, báo phế, đem bán, điều chỉnh, khấu hao và hao mòn tài sản. ♦ Bộ phận không liên quan đến tài vụ gồm:di chuyển, gửi ngoài và thu hồi tài sản.

b. Thao tác chức năng sổ cái và quan hệ với các kiểu mẫu



❶ Nhập “Mã TK hàng trả lại”, “Mã TK hàng tồn” và “TK Doanh thu bán hàng” trong “thao tác thiết lập mã”.

❷ Nếu công nợ hoặc chi phiếu chứng từ phải thu của khách hàng muốn sử dụng tài khoản chi tiết, thì có thể lập trong “thao tác lập dữ liệu khách hàng”.

❸ Nếu phải trả, chứng từ phải trả hoặc chi phí gia công của nhà cung cấp muốn sử dụng tài khoản chi tiết, thì có thể lập trong “thao tác lập dữ liệu nhà cung cấp”.

❹ Nguồn chứng từ đặt trước của tài khoản phải thu gồm: bán hàng, bán trả hàng, nhật báo kinh doanh, bán tài sản, dư thu để bù, đơn đặt, bảo dưỡng, công nợ đối chiếu quỹ hàng, đơn đặt kiểu mẫu, bán hàng kiểu mẫu, khác, có thể thiết lập công nợ dựa trên đối ứng tài khoản trong đơn thanh toán, sau đó thông qua “hệ thống bút toán tự động” để thực hiện bản thảo bút toán, chuyển CT đến “thao tác lập CT kế toán”.

❺ Nguồn chứng từ đặt trước của tài khoản phải trả gồm: nhập hàng, trả lại hàng, nhập hàng nhờ ngoài, trả lại hàng nhờ ngoài, chi phí nhập khẩu, chi phí xuất khẩu, lấy được tài sản, cải tiến tài sản, dư trả để bù, đặt mua, bảo dưỡng, mua hàng tài sản, nhập hàng tài sản, mua vật liệu trả trước, chi phí mua vật liệu trả trước, sản phẩm quân dụng và phúc lợi, mức thuế nhập khẩu, chi phí điều hành xe vận chuyển, mua hàng kiểu mẫu, nhập hàng kiểu mẫu, khác, có thể thiết lập phiếu chi tiền đối của tài

khoản đối ứng trong chứng từ phải trả, sau đó thông qua “hệ thống bút toán tự động” thực hiện bản thảo bút toán, chuyển CT đến “thao tác lập CT kế toán”.

⑥ Có thể thiết lập tài khoản chi phí của các quỹ riêng trong “thao tác đặt doanh nghiệp cơ bản”.

⑦ Có thể thực hiện bản thảo bút toán trong “Hệ thống bút toán tự động” có:

Loại	CT	Chú ý
HT quản lý tồn kho	Đơn biến động tồn kho	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn điều chỉnh giá thành/mở sổ	cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
HT quản lý ĐĐH	Đơn bán hàng (thu nhập)	
	Giá thành bán hàng	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn bán trả (thu nhập)	
	Giá thành bán trả	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
HT quản lý đặt mua hàng	Đơn nhập hàng, đơn trả lại hàng	
Hệ thống quản lý lệnh sản xuất/ủy thác	Đơn lấy vật liệu	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn trả lại vật liệu	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn nhập kho sản xuất	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn nhập hàng nhờ ngoài (chi phí)	
	Đơn nhập hàng nhờ ngoài (giá thành)	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn trả lại hàng nhờ ngoài (chi phí)	
	Đơn trả lại hàng nhờ ngoài (giá thành)	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
Hệ thống quản lý phải thu	Đơn thanh toán	
	Đơn thu tiền	
Hệ thống quản lý phải trả	chứng từ phải trả	
	Đơn chi tiền	
HT quản lý QR	bản báo cáo hàng ngày kinh doanh (thu nhập)	
	bản báo cáo hàng ngày kinh doanh (Giá thành)	Cần chấp hành xong tính toán giá thành mới có thể thực hiện bút toán
	Đơn đặt quỹ riêng	

⑧ Có thể thực hiện bút toán trong “hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ” gồm: chứng từ phải thu (thu phiếu, đổi tiền mặt, thu lại, trả lại phiếu, nợ khó đòi), chứng từ phải trả (mở phiếu, đổi tiền mặt, trả lại phiếu, hủy bỏ), tiền gửi ngân hàng, rút tiền ngân hàng, vay tiền góp vốn, trả tiền góp vốn, vay tiền cầm cố, trả lại tiền cầm cố, tỷ giá hối đoái lỗ lãi, chứng từ chiết khấu và thanh toán ngoại hối.

⑨ Có thể thực hiện bút toán trong “hệ thống quản lý tài sản cố định” gồm: lấy được, cải tiến, đánh giá lại, hủy bỏ, bán, điều chỉnh, hao mòn, chiết khấu của tài sản và nhập hàng tài sản.

⑩ Có thể thực hiện bút toán trong “hệ thống quản lý quỹ tiền lẻ” gồm : chuyển phát quỹ tiền lẻ, xin phép tạm ứng, trả lại tạm ứng và xin phép chi phí.

❶❶ Có thể thực hiện bút toán trong “hệ thống quản lý tiền lương nhân sự” gồm: cấp phát tiền lương và cấp phát độc lập.

D. Bài mục học tập cần phải học của chức năng sổ cái

Ghi chú: cần học tập trước “điều khiển cơ sở”

TT HT	Xem khóa trình (các kiểu mẫu)	Tên khóa trình	Thuyết minh	Đề nghị đọc thời gian	Thời gian toàn bộ khóa trình (Phút)
0	hệ thống quản lý tổng sổ cái kế toán	bản đồ và hướng dẫn học tập hệ thống quản lý sổ cái kế toán		* Trước lớp	46
0	hệ thống quản lý tài sản cố định	bản đồ và hướng dẫn học tập hệ thống quản lý tài sản cố định		* Trước lớp	32
1	hệ thống quản lý tổng sổ cái kế toán	Tóm tắt hệ thống tổng sổ cái kế toán	hiểu biết các thao tác tổng sổ cái kế toán	* Trước lớp	16
2		Bài dữ liệu cơ bản		* Trước lớp	58
3		Bài thao tác hàng ngày		* Trước lớp	40
4		Bài quản lý lập/triệt tiêu đối ứng tài khoản		* Trước lớp	59
5		Bài quản lý dự toán		Sau lớp	18
6		Bài quản lý trung tâm lợi nhuận		* Trước lớp	69
7		Bài phân tích tài chính		Sau lớp	24
8		Bài xử lý sổ nhiều công ty		Sau lớp	18
9		Bài thao tác tra xét		Sau lớp	9
10		Bài bảo dưỡng hàng ngày kế toán		Sau lớp	35
11		Bài đưa vào lập sổ		Sau lớp	10
12	hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ	quản lý góp vốn	hiểu biết phương thức xử lý thao tác liên quan với vay tiền góp vốn	* Trước lớp	102
13	hệ thống quản lý tài sản cố định	Tóm tắt hệ thống	Liên quan giữa thao tác tài sản cố định và tài chính	Sau lớp	12
14		Bài dữ liệu cơ bản		Sau lớp	66
15		Bài biến động tài sản thao tác hàng ngày		* Trước lớp	67
16		Bài đưa vào lập sổ		Sau lớp	31
17		Bài thao tác thực hiện bút toán tự động		Sau lớp	41
18	Hướng dẫn cập nhật phiên bản mới	Hướng dẫn cập nhật phiên bản 7.X trên mạng-phần chức năng kế toán	-	* Trước lớp	40

Đề nghị: Để đạt hiệu quả học tập tốt hơn, Trước khi học môn học này, nghiên cứu và học tập bài tại “Trang web học tập ERP II DSC”. (<http://elearning.dsc.com.tw/>) và “Đề nghị đọc tại thời điểm=trước lớp”

Chú ý: Tổng số thời gian học tập (13 giờ 14 phút)

E. Thiết lập trước dữ liệu cơ bản

a. Thao tác thiết lập tham số tài chính

Vị trí: Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tham số tài chính

Mục đích: định nghĩa thời gian lập sổ hiện nay tháng năm của hệ thống liên quan với kế toán.

Thao tác thiết lập tham số chung(CMS101)[台商總會]

Thiết lập tham số cơ bản | Thiết lập tham số nhập xuất tồn kho | Thiết lập tham số tài chính | Thiết lập tham số nhân sự | Thiết lập tham số TSCĐ

Chế độ kỳ kế toán

☒ 12 Kỳ

☐ 13 Kỳ

Năm kế toán hiện tại 2009

Kỳ kế toán hiện tại 05

Năm kết sổ kế toán 2008

Kỳ kết sổ kế toán 11

Năm tháng hiện hành ghi tiền NH 12/2001

Năm tháng hiện hành phải thu 01/2002

Năm tháng khóa sổ phải thu 01/2001

Tháng năm hiện tại phải trả 01/2002

Năm tháng khóa sổ phải trả 01/2000

Tháng năm hiện tại tiền chi vật 01/2002

Tháng năm hiện hành thuế doanh thu 01/2002

☐ Quan lý dự toán

PT phân loại TK dự toán 1 材料

OK Hủy bỏ

Browse 127.0.0.1 - 211

b. Thao tác lập tỷ giá

Vị trí: Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tỷ giá

Mục đích: Tỷ giá của hệ thống này sẽ sử dụng, đều thiết lập trước tại thao tác này.

Thao tác thiết lập tỷ giá(CMSI06)[台商總會]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Tiền tệ: **USD** Tên tiền tệ: **US dollar**

Số thập phân đơn giá: **4.Bốn số thập phân** Số thập phân ở V giá thành: **2.Hai số thập phân**

Tổng tiền: **4.Bốn số thập phân** Số thập phân giá thành: **2.Hai số thập phân**

Ghi chú:

Ngày có hiệu lực	Tỷ giá ngân hàng mua vào	Tỷ giá ngân hàng bán ra	Tỷ giá hai quan mua vào	Tỷ giá hai quan bán ra
31/12/2008	17,500	17,500	17,500	17,500

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

c. Thao tác thiết lập tham số kế toán

Vị trí: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Đặt tham số hệ thống kế toán

Mục đích: đặt tham số liên quan của “hệ thống quản lý sổ kế toán”.

Thao tác thiết lập tham số kế toán(AC TI01)[DSC]
DL chi tiết

DL CT

Kiểm tra cân đối Nợ/Có khi nhập

☐ Nhập vào cho đến khi Nợ/Có cân đối

☒ Cảnh báo chủ, nhưng có thể thu

Có được chỉnh sửa mã tổng khi nhập

☒ Phai nhập cột mã số tổng

☐ Không cần nhập mã cột

☒ In theo sắp xếp bên Nợ/Có

DL khác

CT tạo đơn tích: **A912** 預估回轉

Thông tin bảng lưu chuyển tiền tệ

☐ Phương pháp trực tiếp

Nhập CT chủ định tài khoản: **N:Không yêu cầu**

DL CP SX kết chuyển

Nợ do đang (CP SX):

Nợ do đang (nhân công):

CPSX chuyển vào vào bán hàng:

CPNC chuyển vào bán hàng:

DL kết số

Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: **4202**

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước: **4201**

OK Hủy bỏ

Browse 127.0.0.1 - 211

d. Thao tác thiết lập kỳ kế toán

Vị trí: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập kỳ kế toán

Mục đích: đặt ngày tháng bắt đầu và ngày hết hạn của các loại kỳ hàng năm kế toán.

Kỳ	Ngày Bđ	Ngày hết hạn
01	01/01/2001	31/01/2001
02	01/02/2001	28/02/2001
03	01/03/2001	31/03/2001
04	01/04/2001	30/04/2001
05	01/05/2001	31/05/2001
06	01/06/2001	30/06/2001
07	01/07/2001	31/07/2001
08	01/08/2001	31/08/2001
09	01/09/2001	30/09/2001
10	01/10/2001	31/10/2001
11	01/11/2001	30/11/2001
12	01/12/2001	31/12/2001

e. Thao tác thiết lập hệ thống tài khoản

Vị trí: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập hệ thống tài khoản

Mục đích: thiết lập dữ liệu tài khoản.

Thao tác thiết lập dữ liệu tài khoản(AC103)[DSC]

Mã TK: 111

Tên TK: Tiền Việt Nam

Tên tắt TK: 越幣

Tính chất TK: ☒ TK ☐ Kết chuyển

Loại TS lãi lỗ: ☒ TS bên Có ☐ Lãi lỗ

Số dư Nợ/Có: ☒ Số dư bên nợ ☐ Số dư bên Có

Loại báo cáo Nợ/Có: ☒ Bên Nợ ☐ Bên Có

Loại TK: 3.TK độc lập

PT lập TK đối ứng: N.Không kiểm tra số dư Nợ/Có

TK cân bằng(1): Nguồn 9.Khác

PT quan lý: 1.Không nhập

TK đối ứng(2): Nguồn 9.Khác

PT quan lý: 1.Không nhập

Quan lý bộ phận: ☐ TK có hiệu lực: ☒ Tiền tệ thường dùng: VND \$

TK tiền tệ: ☒ Phân tích tỷ số tài chính: 01:TS lưu động - Tiền mặt

TK tiền mặt: ☐ Quan lý dự toán: ☐

Mục bang lưu chuyển tiền tệ:

Kết chuyển phí SX/nhân công: 1.Không kết chuyển

Ghi chú:

Thêm Sửa Xóa Lưu Hủy bỏ

Xem 127.0.0.1 - 211

f. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

Vị trí: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

Mục tích: đặt loại đơn và tính chất “hệ thống quản lý sổ kế toán” cần sử dụng.

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại đơn: AC103

Tên CT: PHIEU HACH TOAN KT

Tên đầy đủ CT: PHIEU HACH TOAN KT

Loại CT: 91:CT chuyển số

N tắc tạo mã: 1:Hàng ngày

Mã năm: 3

Số mã STT: 3

Định dạng: YYYYMMDD999

Tính chất CT: 1:Thông thường

TK:

Mã ghi chú: 199 ☐ In ghi chú mỗi trang

註記99

☐ Chỉnh sửa ghi chú khi in

Mã xét duyệt: 299 ☐ In xét duyệt mỗi trang

審核99

☐ Chỉnh sửa xét duyệt khi in

Định dạng CT: R06

☐ Chọn định dạng CT khi in

☐ In TC mỗi trang

Ghi chú:

☐ Xác nhận tự động

☐ In tự động

☐ Giới hạn người dùng nhập

☐ Số tiền cho phép nhập số âm

Nguồn tỷ giá: 1.Tỷ giá ngân hàng mua vào

☐ In số tiền ngoại tệ trên CT

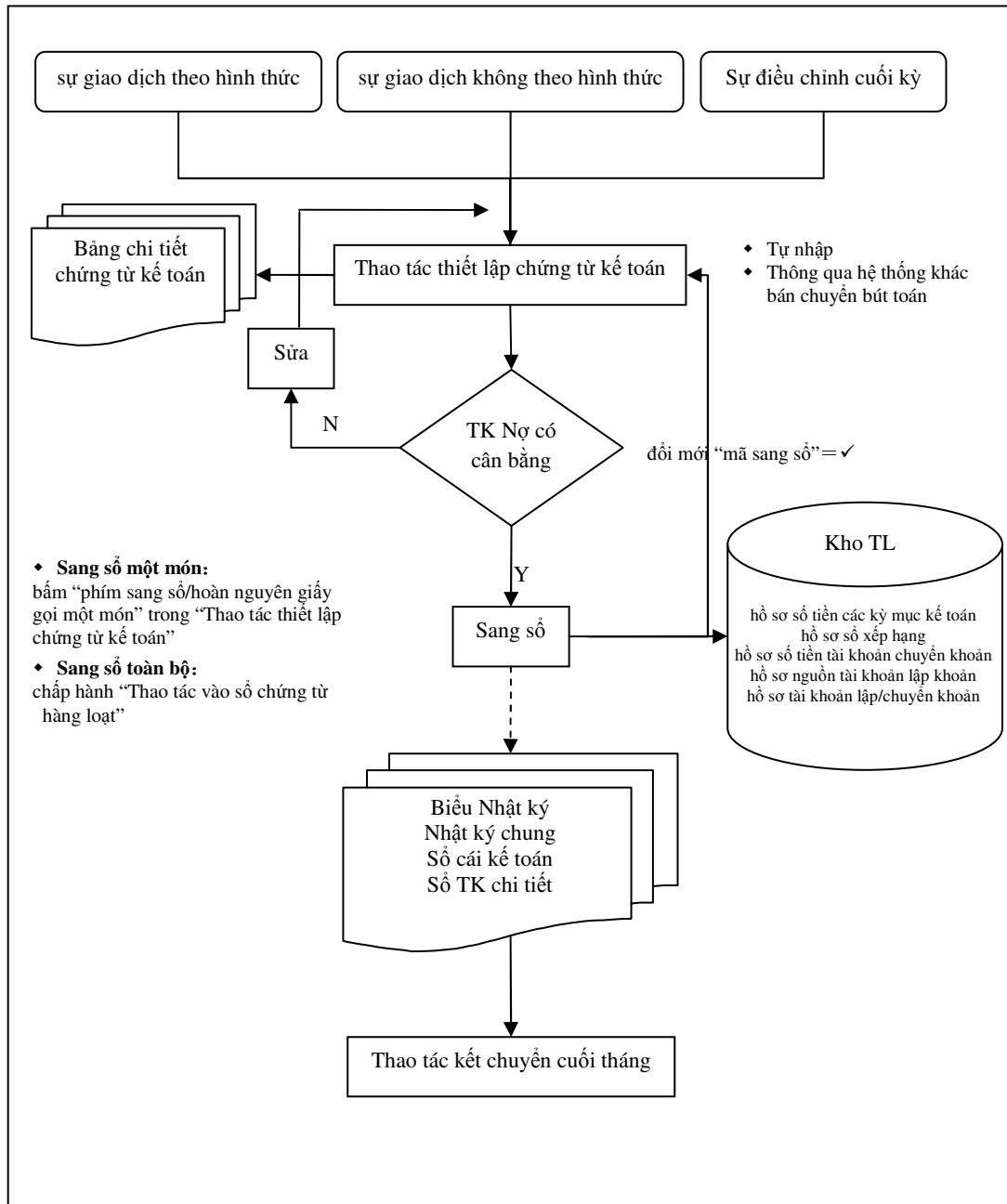
Edit 127.0.0.1 - 211

Ghi chú: thuyết minh và điều khiển của dữ liệu cơ bản trên tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý sổ kế toán \ bài dữ liệu cơ bản”.

F. Giải thích các quy trình

a. Xử lý hằng ngày-CT bình thường

1. Giải thích quy trình



1. Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý sổ kế toán \ bài thao tác hằng ngày”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ xử lý sự thay đổi hàng ngày \ Thao tác thiết lập chứng từ kế toán
- Giải thích ví dụ: bộ môn nghiệp vụ tổ chức hội thảo, thuê phòng họp của nhà lầu làm việc, và mời giảng viên bên ngoài và in tài liệu giảng dạy cho người tham gia hội nghị, theo dữ liệu sau nhập “CT chuyển sổ”.

Tài Khoản kế toán	Tên Tài Khoản	Số tiền	Thuyết minh
64272	Chi phí thuê	\$12,000	Công ty Đình Phong (thống biên: 74997493) mã số hóa đơn: MB30985547 \$12000 không gồm thuế, mức thuế \$600; (TK 1331 VAT paid)
64278	Chi phí DV mua ngoài khác	10,000	Chi phí giảng viên bên ngoài, cần ứng chi thuế lợi tức 10% (TK Withholding tax)。
64289	Chi phí khác	800	In Toàn Hồng \$800 gồm thuế (giấy biên nhận)
Ghi chú: Toàn bộ đều chi trả tiền mặt.			

Thao tác thiết lập chứng từ kế toán (ACT110)

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

1 [Icon] **9** [Icon]

1 Loại CT: 9113 轉帳傳票

2 Mã CT: 20090716001

Ngày CT: 16/07/2009

Người đăng nhập: V0005 何笑姪

Ngày đăng nhập: 16/07/2009

T. Thái duyệt: N: Không thực thi EasyFlow

Số lần gửi: 0

TK thu chi: []

Tên TK: []

Trích yếu: []

Mã chung: []

3 Sao chép phân loại: []

1 Mã nguồn: 1. Số cái tổng hợp

9 Mã vào sổ: [] In: 0

Ngày xác nhận: 16/07/2009

Xác nhận: V0005 何笑姪

3 Ghi chú: []

4 **6**

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Tiền tệ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Tỷ giá	Trích yếu
0010	D.Nợ	64272	Chi phí thuê vốn nhàn	NTD	12,000	12,000	1	
0020	D.Nợ	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	NTD	600	600	1	
0030	D.Nợ	64278	Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	NTD	10,000	10,000	1	
0040	D.Nợ	64289	Chi phí khác	NTD	800	800	1	
0050	C.Có	3331	Thuế GTGT đầu ra	NTD	1,000	1,000	1	
0060	C.Có	1111	Tiền mặt Việt Nam đồng	NTD	22,400	22,400	1	

Tổng bên Nợ (nội tệ): 23,400 Tổng bên Có (nội tệ): 23,400

Browse: Số đồng dữ liệu nội dung: 6 127.0.0.1 - 211

thành công thì có thể xem được “mã sang số” đầu CT này đã vạch.

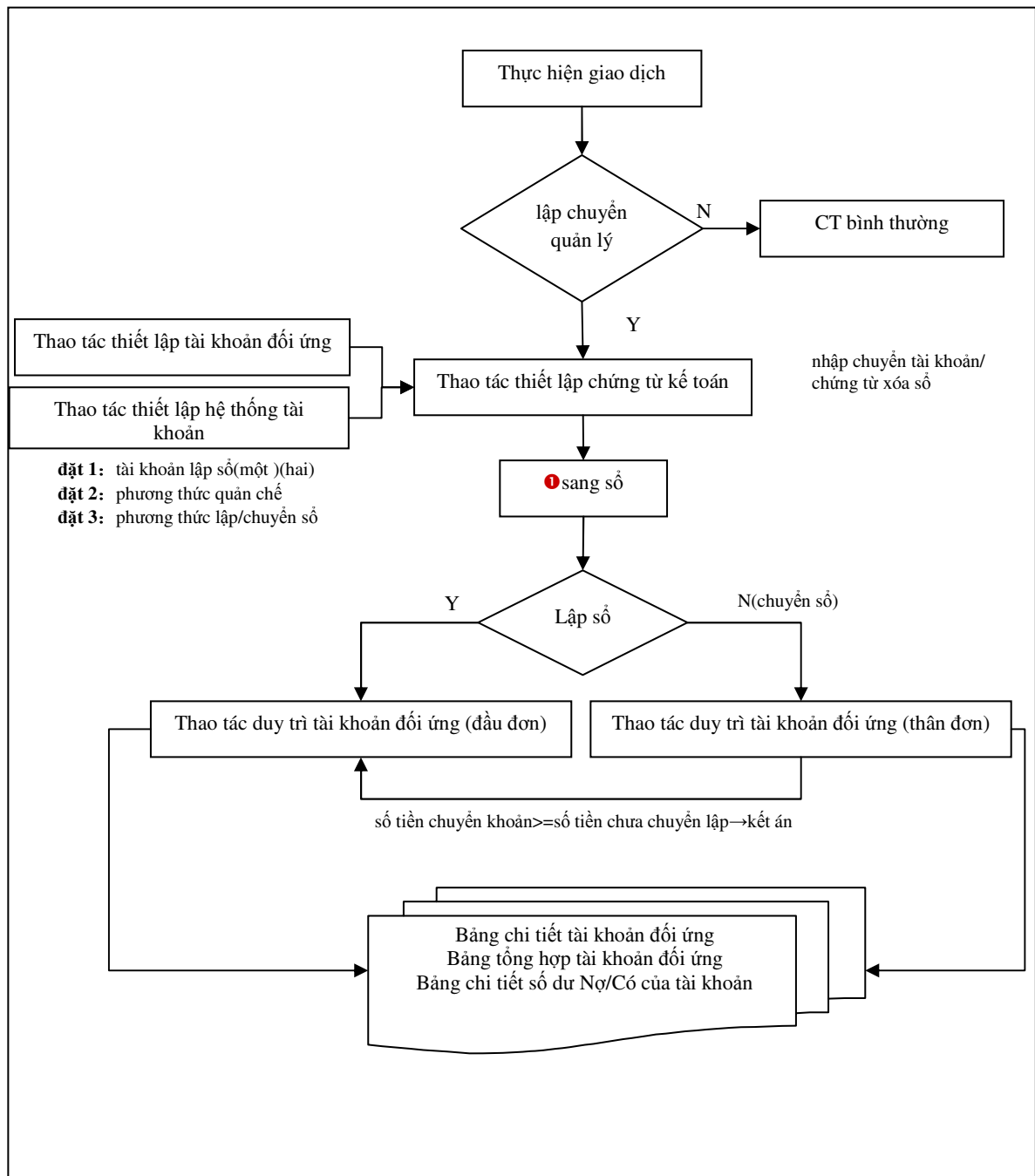
Luyện tập 1:

Ngày 15 tháng nay thực hiện giao dịch này, nhân viên nghiệp vụ sang nước ngoài tham dự triển lãm, nhập dữ liệu sau thành CT chuyển khoản:

TK kế toán	Tên Tài Khoản	số tiền	thuyết minh
6104	Travel Expense	NT\$42,000	Du lịch mọi ngày (thống biên: 17435084) Ngành du lịch giấy biên nhận nhờ thu chuyển trả:QA55098309
6102	Rents Expense	USD\$90/ngày	tổng cộng 5 ngày (tỷ giá: 33)。
6118	Meal Expense	USD\$30/ngày	tổng cộng 5 ngày (tỷ giá : 33)。
Ghi chú: Toàn bộ chi trả đều bằng tiền mặt.			

b.Xử lý hằng ngày-quản lý lập/triệt tiêu tài khoản

1.Giải thích quy trình



❶ Trừ bảng dữ liệu liên quan “lập/triệt tiêu tài khoản”, sang sổ có thể ảnh hưởng “hồ sơ số tiền các kỳ tài khoản kế toán” và “hồ sơ sổ xếp hạng phân loại”.

Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ bài quản lý lập/triệt tiêu tài khoản”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

♦ Vị trí thao tác:

Hệ thống quản lý sổ kế toán \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập chứng từ kế toán

Hệ thống quản lý sổ kế toán \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác duy trì tài khoản đối ứng

♦ Giải thích ví dụ: nhập dữ liệu giao dịch sau thành “CTchuyển khoản”:

Ngày	thuyết minh	Tài khoản kế toán	Tên tài khoản	số tiền
11/08	Bán chịu cho khách hàng “960502-DSC”	13111 5111	Phải thu từ HĐ kinh doanh Doanh thu bán hàng hóa	NT\$30000
11/20	Khách hàng “960502-DSC” chi trả bộ phận tiền hàng bằng tiền mặt.	11112 13111	Tiền NTD Phải thu từ HĐ kinh doanh	NT\$14000
11/25	Khách hàng “960502-DSC” chi trả tiền cuối bằng tiền mặt.	11112 13111	Tiền NTD Phải thu từ HĐ kinh doanh	NT\$16000

Bước 1: lập sổ

Thao tác thiết lập chứng từ kế toán(AC1110)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại CT A910 PHIEU HACH TOAN KT

Mã CT 0090723001

Ngày CT 23/07/2009

Người đăng nhập V0005

Ngày đăng nhập 23/07/2009

T. Thái duyệt N-Không thực thi EasyFlow

Số lần gửi 0

TK thu chi

Tên TK

Trích yếu

Mã chung

Mã nguồn 1.Số cái tổng hợp

Ngày xác nhận 23/07/2009

Xác nhận V0005

Ghi chú

Sao chép phân loại

Mã vào sổ

In 0

STT	Ng/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	13111	phải thu từ HĐ kinh doanh			VND	1	30,000	30,000
0020	C.Có	5111	Doanh thu bán hàng hóa			VND	1	30,000	30,000

Tổng bên Nợ (nội tệ) 30,000

Tổng bên Có (nội tệ) 30,000


Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

TK cân bằng(1)	Tên TK đối ứng 1	Trích yếu	Ghi chú	Loại CT(1)	Mã CT(1)	STT(1)	TK đối ứng(2)
▶ 960502	DSC						
6							

Tên TK đối ứng 2	Loại CT(2)	Mã CT(2)	STT(2)	Mục bang lưu chuyển tiền tệ	Mã dự án	Tên dự án
▶						

Sau sang sổ viết “thao tác bảo **trì lập/triệt tiêu** tài khoản”:






























♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt một loại đơn “tính chất chứng từ” là “91.CTchuyên khoản” (tính chất CT=1:thông thường) trong “thao tác lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày CT”.
3. “STT” thứ nhất, “Bên nợ/có” chọn “D.bên nợ” (thứ hai chọn “C.bên có”).
4. Nhập hoặc chọn dữ liệu đã lập được trong “thao tác lập dữ liệu tài khoản” trong “MS Tài Khoản”, kiểu mẫu này chọn “13111- phải thu từ HĐ kinh doanh” (món thứ hai nhập tài khoản “5111-Doanh thu bán hàng hóa”).
5. Kiểm tra “Loại tệ” và “tỷ giá”, nhập số tiền giao dịch đến chứng từ “số tiền nguyên tệ”, hệ thống biến đổi “số tiền nội tệ” theo “loại tệ” và “tỷ giá”.
6. Do đặt mục “13111- phải thu từ HĐ kinh doanh” cần nhập “lập/triệt tiêu tài khoản (một)”, vậy bấm F2 mở cửa chọn mã số khách hàng “960502-DSC”. (dữ liệu thứ hai không cần nhập lập/triệt tiêu tài khoản).
7. Nhập xong lưu trữ, chấp nhận ký xét duyệt, sau xét chuẩn sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”.
8. Bấm phím “chuyển từng ct vào sổ/phục hồi”  trong hàng công cụ, giao cho trung tâm xếp việc công tác xử lý. Sau chấp nhận thành công có thể xem được “mã sang sổ” đầu đơn đã vạch ra.
9. Ngoài ra có thể duyệt xét “mã số mục+mã số lập/triệt tiêu tài khoản+loại đơn CT, số đơn, STT” đã có một dữ liệu trong “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác duy trì lập/triệt tiêu tài khoản”, khi lập sổ đầu đơn có dữ liệu, thân đơn không có dữ liệu.

Bước 2: chuyển khoản (chi trả bộ phận tiền hàng)

Thao tác thiết lập chứng từ kế toán(AC1110)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

1                             

F2 Mở cửa sổ tra cứu

Tra lại: Mã TK đối ứng >=

Mã TK đối ứng	Ngày CT	Loại CT	Mã CT	STT	Tiền tệ	Số tiền nguyên tệ	Tiền đã cân trừ (nguyên tệ)
960502	23/07/2009	A910	009072300	0010	NTD	30,000	14,000

Số mẫu tin: 1 Số trường: 10

Thao tác duy trì tài khoản đối ứng(AC1115)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã TK: 11112 Tiền NTD

STT TK đối ứng: ☒ TK cân bằng(1) ☐ TK đối ứng(2) Nợ/Có: ☒ Nợ ☐ Có Mã TK đối ứng: 960502

Tên TK đối ứng: DSC

Loại CT: A910 Tiền tệ: NTD 台幣 10

Mã CT: 0090723002 Tỷ giá: 1

STT: 0010 Mã bộ phận:

Ngày CT: 23/07/2009 Trích yếu:

Mã kết thúc: N:Chưa kết thúc

STT	Ngày CT	Loại CT	Mã CT	STT	Nợ/Có	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ
-----	---------	---------	-------	-----	-------	---------	--------	-------------------

Tiền đã cân trừ (nguyên tệ): 0 Tiền đã cân trừ (nội tệ): 0

Browse Số đồng dữ liệu nội dung: 0 127.0.0.1 - 211

Thao tác duy trì tài khoản đối ứng(ACI115)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã TK 13111 phải thu từ Hộ kinh doanh

STT TK đối ứng
☒ TK cân bằng(1) ☐ TK đối ứng(2)

Nợ/Có
☒ Nợ ☐ Có

Mã TK đối ứng 960502
 Tên TK đối ứng DSC

Loại CT A910 Tiền tệ NTD 台幣

Mã CT 0090723001 Tỷ giá 1

STT 0010 Mã bộ phận

Ngày CT 23/07/2009 Trích yếu

Số tiền nguyên tệ 30000
 Số tiền (nội tệ) 30000


Mã kết thúc N:Chưa kết thúc

STT	Ngày CT	Loại CT	Mã CT	STT	Nợ/Có	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ
0001	23/07/2009	A910	0090723002	0020	C.Có	NTD	1	14000

Tiền đã cân trừ (nguyên tệ) 14000 Tiền đã cân trừ (nội tệ) 14000

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt một loại đơn “tính chất chứng từ” là “91.CTchuyên khoản” (tính chất CT=1:thông thường) trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày CT”.
3. “STT” thứ nhất, chọn “D.bên nợ” trong “bên nợ/bên có”, thứ hai chọn “C.bên có”.
4. Nhập hoặc chọn dữ liệu đã lập được trong “thao tác lập dữ liệu hệ thống tài khoản kế toán” trong hồ sơ “MS Tài khoản kế toán”, kiểu mẫu này chọn “11112-Tiền NTD”, thứ hai nhập “13111- phải thu từ HĐ kinh doanh”.
5. Kiểm tra “loại tệ” và “tỷ giá”, nhập số tiền giao dịch đến hồ sơ “số tiền nguyên tệ”, hệ thống sẽ biến đổi “số tiền nội tệ” theo “loại tệ” và “tỷ giá”.
6. Do đặt TK “11112-Tiền NTD” cần nhập “lập/triệt tiêu tài khoản đối ứng (một)”, vậy bấm F2 mở cửa xét hỏi mã số khách hàng “960502-DSC”.
7. Đối với dữ liệu TK thứ hai “13111- phải thu từ HĐ kinh doanh”, có thể bấm F3 xét hỏi tài khoản chưa chuyển khoản trong “tài khoản đối ứng (một)”, hệ thống sẽ mở cửa khác kiểm tra dữ liệu phù hợp, chọn được bấm “CN”, mã số này sẽ đưa để hồ sơ “loại đơn (một)”, “mã số (một)”, và “STT (một)”.
8. Nhập xong lưu trữ, chấp nhận ký xét duyệt, sau xét chuẩn sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”.
9. Bấm phím “Chuyển từng CT vào sổ /phục hồi ”  của hàng công cụ, giao cho trung tâm xếp việc công tác xử lý, sau chấp nhận thành công có thể xem “mã sang sổ” đã vạch trong đầu Ct.
10. Ngoài ra còn duyệt xét trong “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác duy trì tài khoản lập sổ”, đối với “11112-Tiền NTD” đã lập sổ, séc nhờ thu đổi tiền mặt tiếp theo thì sẽ hủy bỏ tiền khoản này, nhưng vẫn có tài khoản chưa hủy bỏ, vậy “mã kết thúc=N.chưa kết thúc”

Bước 3: chuyển khoản (chi trả tiền cuối còn lại)

Thao tác thiết lập chứng từ kế toán(AC1110)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

Chi tiết **Xem DL**

Loại CT: A910 PHIEU HACH TOAN KT

Mã CT: 0090724001

Ngày CT: 24/07/2009

Người đăng nhập: Y0005 何笑姪

Ngày đăng nhập: 24/07/2009

T. Thái duyệt: N Không thực thi EasyFlow

Số lần gửi: 0

TK thu chi:

Tên TK:

Trích yếu:

Mã chung:

Mã nguồn: 1.Số cái tổng hợp

Ngày xác nhận: 24/07/2009

Xác nhận: Y0005 何笑姪

Ghi chú:

Sao chép phân loại:

Mã vào sổ: ☒ In: 0

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Ty giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	11112	Tiền NTD			NTD	1	16,000	16,000
0020	C.Có	13111	phải thu từ Hộ kinh doanh			NTD	1	16,000	16,000

Tổng bên Nợ (nội tệ): 16,000

Tổng bên Có (nội tệ): 16,000

Browse: Số dòng dữ liệu nội dung: 2

127.0.0.1 - 211

TK cân bằng(1)	Tên TK đối ứng 1	Loại CT(1)	Mã CT(1)	STT(1)	TK đối ứng(2)	Tên TK đối ứng 2	Loại CT(2)	Mã
960502	DSC							
960502	DSC	A910	0090723001	0010				

Mã CT(2)	STT(2)	Mục bang lưu chuyển tiền tệ	Mã dự án	Tên dự án

F2 Mũ của số tra cứu

Trà lại TK cân bằng(1) >=

TK cân bằng(1)	Tên TK đối ứng	Ngày CT	Loại CT	Mã CT	STT	Nợ/Có	Tiền tệ	Số tiền nguyên tệ
960502	DSC	23/07/2009	A910	0090723001	0010	Nợ	NTD	30,000
960502	DSC	23/07/2009	A910	0090723002	0020	Có	NTD	14,000
960502	DSC	24/07/2009	A910	0090724001	0020	Có	NTD	16,000

Số mẫu tin: 3 Số trường: 16

Thao tác duy trì tài khoản đối ứng(ACT115)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã TK 11112 Tiền NTD

STT TK đối ứng
☒ TK cân bằng(1) ☐ TK đối ứng(2)

Nợ/Có
☒ Nợ ☐ Có

Mã TK đối ứng 960502
 Tên TK đối ứng DSC

Loại CT A910 Tiền tệ NTD 台幣

Mã CT 0090724001 Tỷ giá 1

Số tiền nguyên tệ 16000

STT 0010 Mã bộ phận

Số tiền (nội tệ) 16000

Ngày CT 24/07/2009 Trích yếu

Mã kết thúc N:Chưa kết thúc

STT	Ngày CT	Loại CT	Mã CT	STT	Nợ/Có	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ
-----	---------	---------	-------	-----	-------	---------	--------	-------------------

Tiền đã cân trừ (nguyên tệ) 0 Tiền đã cân trừ (nội tệ) 0

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 0 127.0.0.1 - 211

Thao tác duy trì tài khoản đối ứng(AC1115)[DSC]
DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã TK 13111 phải thu từ HĐ kinh doanh

STT TK đối ứng
☒ TK cân bằng(1) ☐ TK đối ứng(2) Ng/C6 ☒ Ng ☐ C6 Mã TK đối ứng 960502
 Tên TK đối ứng DSC

Loại CT A910 Tiền tệ NTD 台幣
 Mã CT 0090723001 Tỷ giá 1 Số tiền nguyên tệ 30000
 STT 0010 Mã bộ phận Số tiền (nội tệ) 30000
 Ngày CT 23/07/2009 Trích yếu Mã kết thúc Y: Tự động kết thúc

STT	Ngày CT	Loại CT	Mã CT	STT	Ng/C6	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0001	23/07/2009	A910	0090723002	0020	C.C6	NTD	1	14000	14000
0002	24/07/2009	A910	0090724001	0020	C.C6	NTD	1	16000	16000

Tiền đã cân trừ (nguyên tệ) 30000 Tiền đã cân trừ (nội tệ) 30000

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

♦ **Giải thích trọng điểm (chỉ giải thích chênh lệch với bước 2):**

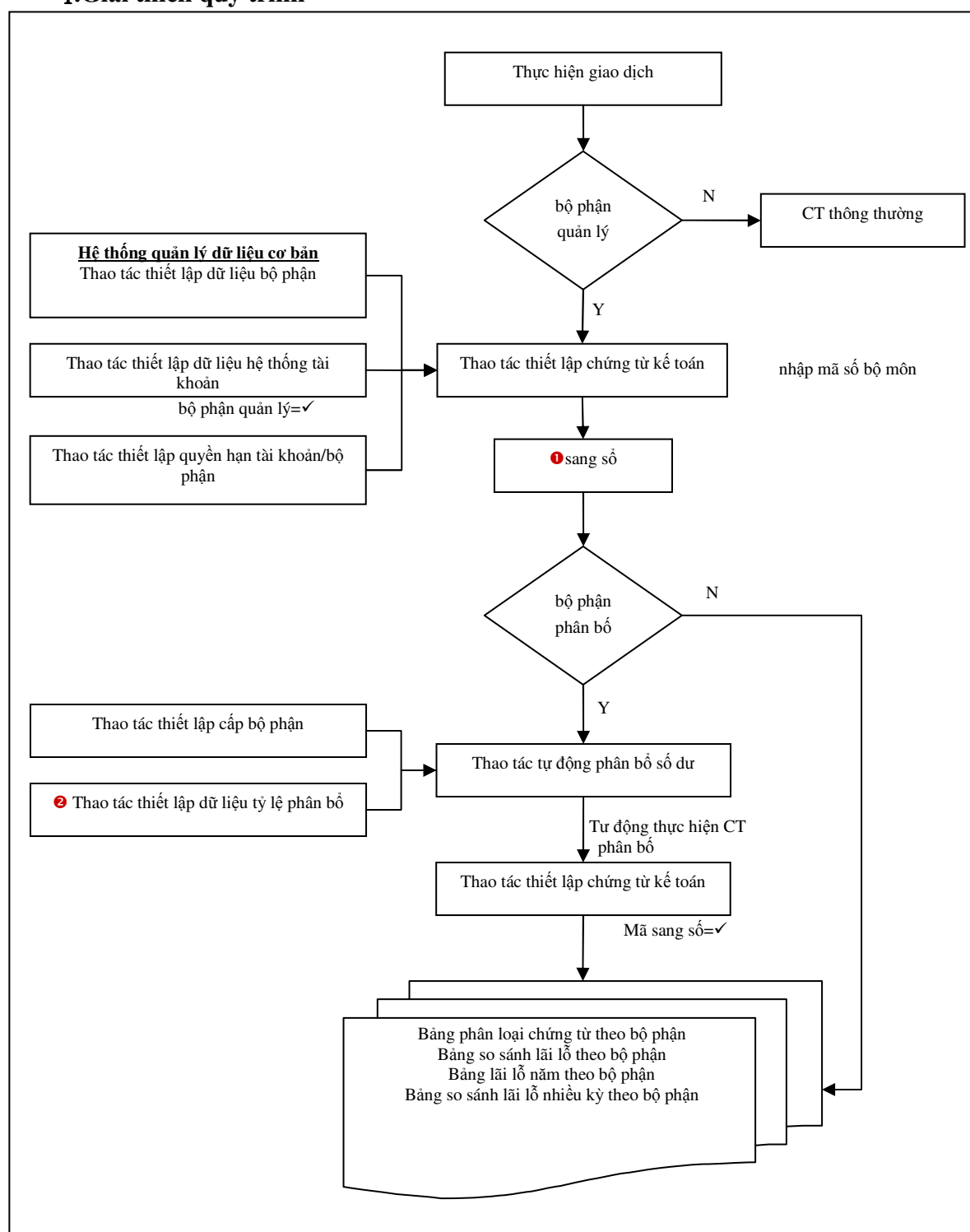
- Đối với mục dữ liệu thứ hai “13111- phải thu từ HĐ kinh doanh”, có thể bấm F3 kiểm tra tài khoản chưa hủy bỏ trong “lập/chuyển khoản (một)”, vì ở “bước 2” đã hủy bỏ \$14000, khi hệ thống mở cửa khác, “số tiền nguyên tệ đã hủy bỏ” của tiền khoản này sẽ bày tỏ \$14000.
- Sau sang sổ, có thể duyệt xét trong “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác duy trì tiền khoản lập sổ”, đối với” 13111- phải thu từ HĐ kinh doanh”, thân đơn trừ dữ liệu khi “bước hai” chuyển khoản thực hiện, còn thực hiện dữ liệu khác do bước này, tổng số tiền của hai dữ liệu này đã lớn hơn và bằng số tiền lập sổ của họ, vậy “mã kết thúc=Y, tự động kết thúc”.

Luyện tập 2:

Nhập dữ liệu giao dịch sau thành “CTchuyển khoản”:

ngày	thuyết minh	TK kế toán	Tên Tài Khoản	số tiền
Ngày 3 tháng 08	Mua chịu hàng hóa cho nhà máy cung cấp “1011 Globe Co., Ltd.”.	1561 33111	Hàng hóa Phải trả cho người bán	NT\$65,000
Ngày 15 tháng 08	Chi trả nhà máy cung cấp “1011 Globe Co., Ltd.” một số tiền hàng bằng Tiền gửi ngân hàng .	33111 11211	Phải trả cho người bán Tiền gửi ngân hàng	NT\$35,000
Ngày 21 tháng 08	Chi trả nhà máy cung cấp “1011 Globe Co., Ltd.” tiền cuối bằng Tiền gửi ngân hàng.	33111 11211	Phải trả cho người bán Tiền gửi ngân hàng	NT\$30,000

c.Xử lý hằng ngày-quản lý trung tâm lợi nhuận
1.Giải thích quy trình



❶ Sang sổ có thể ảnh hưởng “thao tác số tiền các kỳ trong TK kế toán”, “thao tác phân loại sổ”, “số tiền, nguồn, đối ứng tài khoản lập sổ” (nếu làm quản lý đối ứng tài khoản lập sổ).

❷ Hệ thống cung cấp 2 loại “phương thức phân bổ= cố định / tỷ lệ biến động”, tham khảo “bài quản lý trung tâm lợi nhuận”.

Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ bài quản lý trung tâm lợi nhuận”

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Phương thức 1: khi phương thức phân bổ bằng tỷ lệ biến động
- ♦ Vị trí thao tác:
 - Hệ thống quản lý sổ kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ
 - Hệ thống quản lý sổ kế toán \ xử lý biến động hằng ngày \ Thao tác thiết lập chứng từ kế toán
 - Hệ thống quản lý sổ kế toán \ thao tác theo đợt \ Thao tác tự động phân bổ số dư
- ♦ Giải thích ví dụ: trong tháng chi trả “00 Main Company” tiền ăn uống \$6000, chi phí này phân bổ cho 2 lớp “20 Manufacture Department” (55 người) và “30 Business Department” (45 người) theo số người cuối tháng.
 1. Thao tác lập cấp bộ môn: “00 Main Company” đặt 2 lớp “20 Manufacture Department” và “30 Business Department”.
 2. Thao tác lập dữ liệu Tài khoản kế toán : đặt một TK kế toán không tính tiền “6427 chi phí dịch vụ mua ngoài”.
 3. Thao tác lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ: đặt một “mã số phân bổ” là Tài Khoản “6428”.

Bước 1: thao tác lập nhập dữ liệu tỷ lệ phân bổ

Thao tác thiết lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ(AC1112)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F), Thoát (X)

Mã phân bổ: 6428

Thứ tự: 1

Loại phân bổ:

Ngày có hiệu lực: 06/08/2009

Ngày hết hiệu lực: / /

Loại CT số cái: A913

分攤傳票

Ghi chú:

PP phân bổ

☐ Tỷ lệ cố định ☒ Tỷ lệ thay đổi

Tính chất số dư

☐ Số dư lũy kế ☒ Thay đổi kỳ này

Ngày SX lần trước: / /

Loại CT phát sinh lần trước:

Mã CT trước:

Tên bộ phận	Tỷ lệ	Tỷ lệ thay đổi của TK phụ	TK chi tiết	TK cân bằng
Manufacture Department	0.00%	6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Business Department	0.00%	6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Main Company	0.00%	6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	

Tổng tỷ lệ bên Nợ: 0.00%

Tổng tỷ lệ bên Có: 0.00%

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 3

127.0.0.1 - 211

GP Thao tác thiết lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ(AC1112)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)


2

STT	Mã TK	Tên TK	Mã bộ phận	Tên bộ phận
0001	6428	Chi phí bằng tiền khác	00	Main Company

Browse

♦ Giải thích trọng điểm:

- 1、Phương thức tỷ lệ biến động có hai loại : lũy kế số dư và biến động trong kỳ .
“Biến động trong kỳ” là mọi kỳ đều phải lập CTphân tử tỷ lệ biến động trong kỳ.
- 2、Thân đơn “ Bên có”: chỉ bộ môn trên chi phí thuộc về, thân đơn (Bên nợ):chỉ bộ môn dưới “ Manufacture Department” và “ Business Department”chi phí sẽ phân bổ cho.

Ghi chú: ghi nhớ “nguồn phân bổ”  sẽ lập “dữ liệu TK/bộ môn bị phân bổ” (Bên có).

- 3、Mục phân tử tỷ lệ biến động của thân đơn nhất định cần nhập TK kế toán không tính tiền đã được đặt .

Bước 2: nhập chi phí thực tế thực hiện (đến “00 Main Company”)

GP Thao tác thiết lập chứng từ kế toán(AC1110)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại CT **A913** 分攤傳票

Mã CT **0090806001**

Ngày CT **06/08/2009**

Người đăng nhập **V0005** 何笑艷

Ngày đăng nhập **06/08/2009**

T.Thái duyệt **N.Không thực thi EasyFlow**

Số lần gửi **0**

TK thu chi

Tên TK

Trích yếu

Mã chung

Mã nguồn **1.Số cái tổng hợp**

Ngày xác nhận **06/08/2009**

Xác nhận **V0005** 何笑艷

Ghi chú

2

CONFIRM

Sao chép phân loại

Mã vào sổ ☒ In **0**

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Ty giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	6428	Chi phí bằng tiền khác	00	Main Company	NTD	1	6,000	6,000
0020	C.Có	3311	Phải trả cho người bán			NTD	1	6,000	6,000

1

Tổng bên Nợ (nội tệ) **6,000** Tổng bên Có (nội tệ) **6,000**

Browse Số đồng dữ liệu nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Thêm một CT chuyển khoản, phía bên nợ nhập chi phí thực tế thực hiện, và thuộc về “00 Main Company”.
2. Lưu trữ chứng từ, chấp hành thao tác ký xét duyệt, và sang sổ.

Bước 3: nhập số người thực tế của 2 lớp trong tháng này

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	20	Manufacture Depar	NTD	1	55	55
0020	D.Nợ	6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	30	Business Department	VND	1	45	45

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Thêm một CT chuyển khoản:
 - ✓ Nhập TK kế toán không tính tiền tệ “6427-Chi phí dịch vụ mua ngoài” đặt trong “Thao tác thiết lập hệ thống tài khoản kế toán” trong “mã số tài khoản”.
 - ✓ Nhập 2 lớp “20.Manufacture Department” và “30.Business Department” dưới “00 Main Company”. trong “bộ môn”.
 - ✓ nhập số người của 2 lớp này trong “số tiền nguyên tệ”.
2. Lưu trữ chứng từ, chấp hành ký xét duyệt, và sang sổ (không cần cân bằng bên Nợ/Có).

Bước 4: chấp hành thao tác tự động phân bổ số dư

Thao tác tự động phân bổ số dư(AC1B08)[DSC]

Mục chọn cơ bản Mục chọn HT

Năm hiện tại: 2009 Kỳ: 02

Chọn loại phân bổ: 1

Nhập số dư TK nguồn

Năm: 2009 Kỳ: 08

Ngày CT: 31/08/2009 31

☐ Phân bổ lại CT đã phân bổ

✓ CN
✗ Hủy bỏ
↺ Chu kỳ
▶ Đặt riêng

Bước 5: Kiểm tra thao tác lập CT kế toán

GP Thao tác thiết lập chứng từ kế toán(AC1I10)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại CT: A913 分攤傳票

Mã CT: 0090831001

Ngày CT: 31/08/2009

Người đăng nhập: V0005 何笑艷

Ngày đăng nhập: 06/08/2009

T. Thái duyệt: N: Không thực thi EasyFlow

Số lần gửi: 0

TK thu chi: CONFIRM 2

Tên TK: Mã vào sổ 2

Trích yếu: Mã vào sổ 2

Mã chung: Mã vào sổ 2

Mã nguồn: 5: Phân bổ tỷ lệ

Sao chép phân loại: Mã vào sổ 2

Ngày xác nhận: 31/08/2009

Xác nhận: V0005 何笑艷

Ghi chú: 1

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	6428	Chi phí bằng tiền khác	20	Manufacture Depart	VND	1	3,300	3,300
0020	D.Nợ	6428	Chi phí bằng tiền khác	30	Business Department	VND	1	2,700	2,700
0030	C.Có	6428	Chi phí bằng tiền khác	00	Main Company	VND	1	6,000	6,000

Tổng bên Nợ (nội tệ): 6,000 Tổng bên Có (nội tệ): 6,000

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 3 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

- Chấp hành “Hệ thống quản lý sổ kế toán \ thao tác theo đợt \ Thao tác tự động phân bổ số dư”.
- Hệ thống sẽ “thêm” một CT chuyển khoản, tiền ăn uống \$6000 nguyên thuộc về “00 Main Company”, sẽ phân bổ cho 2 lớp dưới họ theo số người tháng này:
 “20.Manufacture Department” → $\$6,000 \div 100 \text{ người} \times 55 \text{ người} = \$3,300$

“ 30.Business Department”→\$6,000 ÷ 100 người × 45 người=\$2,700
Ghi chú: CT này sẽ tự động xác nhận và sang sổ.

- ♦ Phương thức 2: khi phương tức phân bổ là tỷ lệ cố định
- ♦ Giải thích ví dụ: trong tháng chi trả “Main Company” chi phí thực tế \$40000 , chi phí này sẽ phân bổ cho 2 lớp “20 Manufacture Department” (40%) và “30 Business Department” (60%) theo tỷ lệ cố định đã đặt.
 1. Thao tác lập cấp bộ môn: “ 00 Main Company” đặt 2 lớp “20 Manufacture Department” và “30 Business Department”
 2. Thao tác lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ: đặt một “mã số phân bổ” là dữ liệu “6413”.

Bước 1: nhập thao tác lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ

Thao tác thiết lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ(AC1112)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã phân bổ 6413

Thứ tự 1

Loại phân bổ

Ngày có hiệu lực 06/08/2009

Ngày hết hiệu lực //

Loại CT số cái A913

Ghi chú

PP phân bổ

☒ Tỷ lệ cố định ☐ Tỷ lệ thay đổi

Tính chất số dư

☒ Số dư lũy kế ☐ Thay đổi kỳ này

Ngày SX lần trước //

Loại CT phát sinh lần trước

Mã CT trước

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Mã bộ phận	Tên bộ phận	Tỷ lệ	Tỷ lệ thay đổi của
0010	D.Nợ	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	20	Manufacture Department	40.00%	
0020	D.Nợ	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	30	Business Department	60.00%	
0030	C.Có	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	00	Main Company	100.00%	

Tổng tỷ lệ bên Nợ 100.00% **Tổng tỷ lệ bên có** 100.00%

Số dòng dữ liệu nội dung: 3


127.0.0.1 - 211

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1.Phương thức phân bổ chọn tỷ lệ cố định.

1. 2.Thân đơn (Bên có): chỉ chi phí trước thuộc về bộ môn cấp trên, thân đơn (Bên nợ): chỉ chi phí sẽ phân bổ cho đơn vị cấp dưới “ Manufacture Department” và “Business Department”

của bộ môn này.

Ghi chú: ghi nhớ “nguồn phân bổ”  sẽ lập “dữ liệu tài khoản/bộ môn bị phân bổ” (Bên có).

- 3.Tỷ lệ thân đơn nhất định cần nhập tỷ lệ cố định do các bộ môn chiếm, tỷ lệ của tất cả bộ môn cộng nhau bằng 100%.

Bước 2: nhập chi phí thực tế thực hiện (thuộc về :“ 00 Main Company”)

Chi tiết

Loại CT: A913 分攤傳票

Mã CT: 0090806002

Ngày CT: 06/08/2009

Người đăng nhập: V0005 何笑艷

Ngày đăng nhập: 06/08/2009

T. Thái duyệt: N:Không thực thi EasyFlow

Số lần gửi: 0

TK thu chi:

Tên TK:

Trích yếu:

Mã chung:

Mã nguồn: 1.Số cái tổng hợp

Ngày xác nhận: 06/08/2009

Xác nhận: V0005 何笑艷

Ghi chú:

Sao chép phân loại:

Mã vào sổ: ☒

In: 0

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	00	Main Company	NTD	1	40,000	40,000
0020	C.Có	3311	Phải trả cho người bán			NTD	1	40,000	40,000

Tổng bên Nợ (nội tệ): 40,000

Tổng bên Có (nội tệ): 40,000

Browse: Số dòng dữ liệu nội dung: 2

127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Thêm một CT chuyển khoản, phía bên nợ nhập chi phí thực tế thực hiện, và để họ thuộc về :“ 00 Main Company”
- 2.Lưu trữ chứng từ, chấp hành thao tác ký xét duyệt, và sang sổ.

Bước 3: chấp hành tự động phân bổ số dư

Mục chọn cơ bản

Mục chọn HT

Năm hiện tại: 2009

Kỳ: 02

Chọn loại phân bổ:

Nhập số dư TK nguồn:

Năm: 2009

Kỳ: 08

Ngày CT: 31/08/2009

☐ Phân bổ lại CT đã phân bổ

CN

Hủy bỏ

Chu kỳ

Đặt riêng

Bước 4: Kiểm tra thao tác lập CT kế toán

Thao tác thiết lập chứng từ kế toán(AC110)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chú thích Xem DL

Loại CT: A913 分攤傳票

Mã CT: 0090831002

Ngày CT: 31/08/2009

Người đăng nhập: V0005 何笑艷

Ngày đăng nhập: 06/08/2009

T.Thái duyệt: N:Không thực thi EasyFlow

Số lần gửi: 0

TK thu chi:

Tên TK:

Trích yếu:

Mã chung:

Mã nguồn: 5:Phân bố tỷ lệ

Ngày xác nhận: 31/08/2009

Xác nhận: V0005 何笑艷

Ghi chú:

Sao chép phân loại:

Mã vào sổ: ☒ In: 0

STT	Nợ/Có	Mã TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ	Tỷ giá	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)
0010	D.Nợ	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	20	Manufacture Department	VND	1	16,000	16,000
0020	D.Nợ	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	30	Business Department	VND	1	24,000	24,000
0030	C.Có	6413	Chi phí dụng cụ/ đồ dùng	00	Main Company	VND	1	40,000	40,000

Tổng bên Nợ (nội tệ): 40,000 Tổng bên Có (nội tệ): 40,000

Browse Số đồng dữ liệu nội dung: 3 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

- Chấp hành “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ thao tác theo đợt \ thao tác tự động phân bổ số dư”.
- Hệ thống sẽ thêm một chứng từ chuyển khoản, chi phí giao tiếp nguyên thuộc về : “00 Main Company”, phân bổ cho 2 lớp theo tỷ lệ cố định:
 “20 Manufacture Department” → $\$40,000 \times 40\% = \$16,000$
 “30 Business Department” → $\$40,000 \times 60\% = \$24,000$
 Ghi chú: CT này sẽ tự động xác nhận và sang sổ.

Luyện tập 3::

Tháng nay chi trả “30 Sales Department” tiền thuê \$36000, chi phí này sẽ phân bổ cho 2 lớp “31 Sales Division1”(70%) và “32Sales Division2”(30%) theo tỷ lệ cố định.

Cài đặt liên quan (tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ bài quản lý trung tâm lợi nhuận”):

- Thao tác lập cấp bộ môn: “30 Sales Department” đặt 2 lớp “31 Sales Division1” và “32 Sales Division2”.
- Thao tác lập dữ liệu tài khoản kế toán : “6102 Rents Expense” đặt là “bộ môn quản lý”.
- Thao tác lập dữ liệu tỷ lệ phân bổ: đặt một “mã số phân bổ” là dữ liệu “6102”.

①Nhắc nhớ bước:

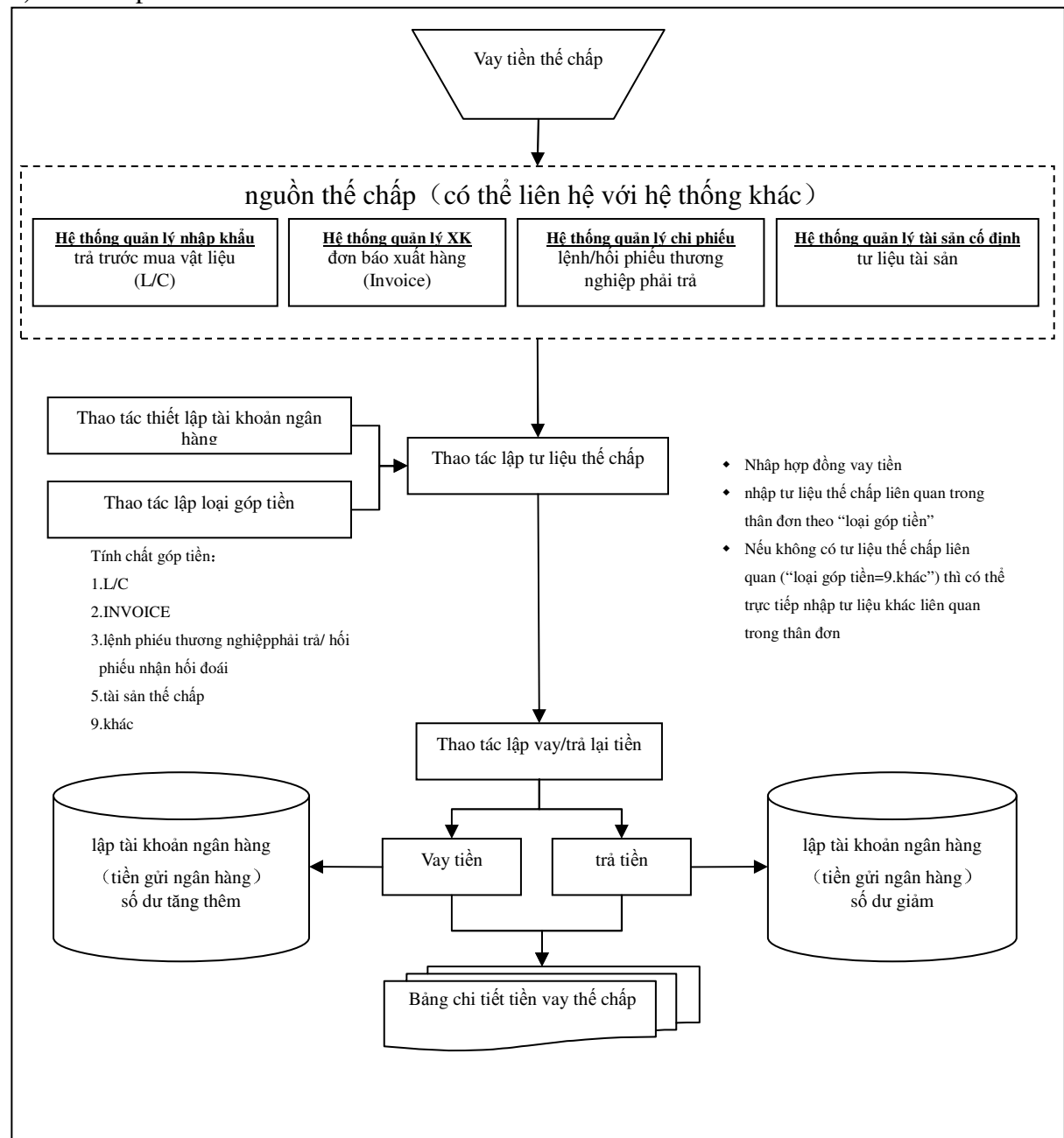
- Nhập chi phí tiền thuê thực tế thực hiện, số tiền \$36000, bộ môn “30 Sales Department”, cần sang sổ.

2. Chấp hành “thao tác tự động phân bổ số dư”.

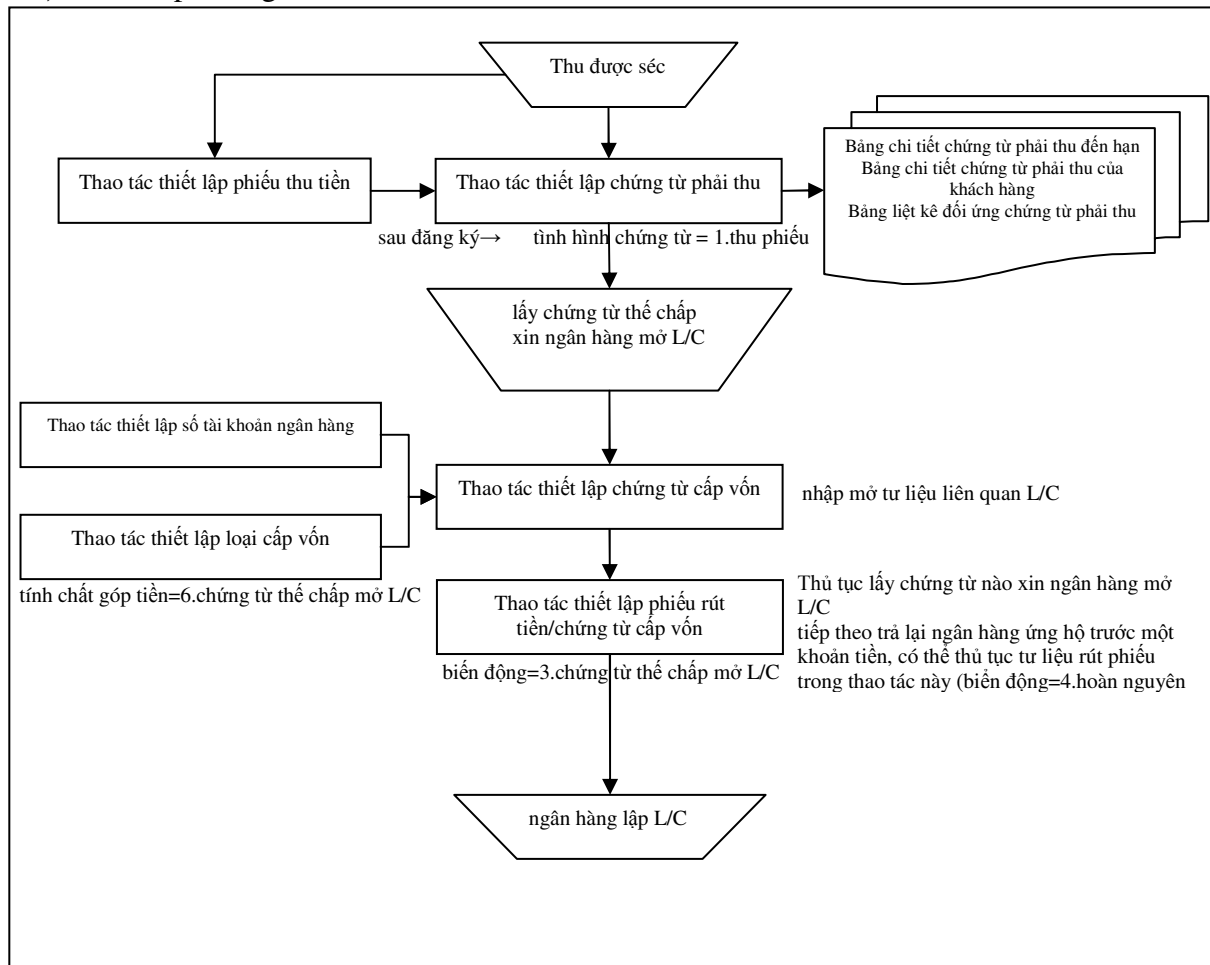
d. Quy trình thế chấp

1. Thuyết minh quy trình

1). Thế chấp



2). Thẻ chấp chứng từ mở L/C



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ \ bài quản lý góp vốn của hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Kiểu mẫu: thế chấp tài sản vay tiền
- ♦ Vị trí thao tác:
hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập dữ liệu thế chấp
hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập vay/trả lại tiền
- ♦ Giải thích ví dụ: vay tiền 1 triệu cho ngân hàng bằng tài sản cố định
“1551-02004-125CC SYM”, lãi suất là 4,395%, thời hạn là 1 năm, tiền gốc và đồng lãi trả hết một lần. Tiền đã vay trực tiếp hội nhập tài khoản “0181-000 vietcombank Nam Sài”, Khi đến thời hạn cũng thông qua tài khoản này chi trả tiền gốc và lãi suất.

Bước 1: nhập dữ liệu thế chấp

Thao tác thiết lập dữ liệu thế chấp (NOTI08) [DSC]

DL (D) Tác dụng (F) Thoát (X)

1 10 1 1

1 2 3 4 5 6 7 8 1

Chi tiết Xem DL

Số lo vay OK0704001

Ngày hợp đồng 01/07/2009

NH cho vay 0181-000

Tên tắt ngân hàng VietComBank Nam Sài

TK ngân hàng

Tiền tệ NTD

Lãi suất năm 4.395%

Loại cấp vốn 05 資產抵押

Ngày bắt đầu tính lãi 01/07/2009

Ngày đáo hạn 30/06/2010

Ngày trả lãi gần nhất / /

Ngày trả hàng tháng

Ghi chú

PT tra 2: Tra toàn bộ khi đến kỳ hạn

PT tra lãi 2: Tính lãi cuối kỳ

TK vay 3111

Vay ngắn hạn

TK lãi 6351

Trả lãi tiền vay

Số tiền tạm ứng 0

Số tiền tiền để trả 0

Số tiền chưa trả 0

Kết thúc

STT	Mã CT	Loại CT	Mã CT	Tiền tệ	Số tiền	DL tham khảo 1
0001	1551-02004			NTD	1,000,000	125CC SYM 公務車

9

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

GP Thao tác thiết lập dữ liệu thế chấp(NOTI08)[DSC]

【PT tra lãi:Tính lãi cuối kỳ】

Ngày hợp đồng: 01/07/2009 Số ngày trong năm: 365



Ngày bắt đầu từ: 01/07/2009

Ngày tra lãi gần: / /


Ngày đáo hạn: 30/06/2010

Tổng số tiền lãi = Số tiền chưa tra * Lãi suất năm * Số ngày tính lãi / 365

0 = 0 * 4.395% * 364 / 365

 Đồng ý  Hủy bỏ

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một dữ liệu bằng phương thức “thêm”, bấm phím “thêm”, hệ thống sẽ đặt trước “Tài khoản tiền vay/lãi suất” là “Tài khoản vay tiền/trả tiền lãi thế chấp” của “trang:vay/trả tiền” trong “hệ thống quản lý tiền vốn chứng từ \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác đặt mục chứng từ”, có thể sửa chữa lại.
2. Nhập “số đợt vay tiền”.
3. Nhập “ngày ký ước hợp đồng”.
4. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra tài khoản ngân hàng ở chứng từ “ngân hàng vay tiền” (cần đặt trước trong “thao tác lập TK NH”), sau chọn được hệ thống sẽ đưa ra “tên tắt NH” và “TK NH”.
5. Nhập “loại tệ” và “tỷ lệ hàng năm”.
6. Đưa ra “tính chất góp vốn=5:thế chấp tài sản” trong hồ sơ “chủng loại góp vốn” (cần đặt trước trong “thao tác lập chủng loại góp vốn”).
7. Nhập “ngày bắt đầu tính lãi” và “ngày đáo hạn”.
8. Chọn “phương thức trả tiền” và “phương thức trả lãi”.
9. Tiếp theo di chuyển dấu đến thân đơn, bấm F2 mở cửa đưa ra “dữ liệu tài sản đã lập được của “hệ thống quản lý tài sản cố định \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập dữ liệu tài sản” trong hồ sơ “số đơn”, hệ thống sẽ đưa ra tin tức khác liên quan theo “số đơn” đã nhập (kiểu mẫu này là “mã số tài sản”), như: “số tiền” (giá thành lấy được), “dữ liệu tham khảo một” (tên tài sản), “dữ liệu tham khảo hai” (số lượng và đơn vị), “dữ liệu tham khảo ba” (giá trị trên sổ) v.v.
10. Nhập xong thì có thể lưu trữ.
11. Ngoài ra có thể bấm phím “tính tiền lãi”  duyệt xét tiền lãi tiếp theo sẽ trả lại.

Bước 2: vay tiền

GP Lập vay /tra tiền[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

1 **Phiếu vay/tra tiền** 860 Mortgage Loan Ngày vay/tra tiền 2007/08/18

Mã số phiếu vay/tra tiền 070818001 In 0

2 **Ngày CT** 2007/08/18 **CONFIRM** 8 **Trạng thái xét** N Không chấp hành xét duyệt

3 **Loại tệ** NTD **Hối suất** 1 **Người CN** DS System Administrator

Chú ý **Lần gửi** 0

STT	Số đợt vay tiền	Ppháp	MS NH	Tên tắt NH	Số phiếu	Số tiền vốn	Lãi tức	Thống kê nội tệ	Mục kế toán
0001	70817001	2.Chuyển số	1102-1007	The First Bank		1,000,000	0	1,000,000	1102-1007

4 5 6 7

Số môn DL nội dung: 1 070817001 2:Chuyển số 127.0.0.1 - 211

STT	Mục kế toán	Tên mục	Chứng thực	MS CT	Chú ý	PS mã mục chủ
0001	1102-1007	The First Bank				

6

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một đơn thể chấp vay tiền bằng phương thức “thêm”, cần đặt trước một loại đơn “tính chất chứng từ=86:vay tiền thể chấp” trong “thao tác đặt tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Xác nhận “loại tệ” và “tỷ giá”.
4. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra “số đợt vay tiền: bước trước nhập trong hồ sơ “số đợt vay tiền”.
5. Chọn “phương thức=2: chuyển khoản”.
6. Nhập tài khoản nhập sổ trong “mã số ngân hàng”,sau nhập hệ thống sẽ đưa ra “tên tắt NH”, “Tài khoản kế toán” và “tên tài khoản”.
7. Nhập số tiền đã vay được cho ngân hàng trong hồ sơ “số tiền vốn”.
8. Nhập xong lưu trữ, sau xác nhận hạch chuẩn có thể duyệt xét tăng thêm về số dư tiền khoản của tài khoản đối với tiền vay này trong “thao tác lập TK ngân hàng”. Cũng có thể duyệt xét số đợt tiền vay này có thể viết lại trong “số tiền vay tiền” hay không trong “thao tác lập dữ liệu thể chấp”.

Bước 3: trả tiền

GP Lập vay / trả tiền[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

1. **Phiếu vay/trả tiền** 870 Mortgage Loan A Ngày vay/trả tiền 2008/08/17

Mã số phiếu vay/trả tiền 080817001 In 0

2. **Ngày CT** 2008/08/17 **CONFIRM** 7

3. **Loại t** NTD **Hối suất** 1 % **Trạng thái xét** N Không chấp hành xét duyệt

Người CN DS System Administrator

Chú ý **Lần gửi** 0

STT	Số đợt vay tiền	Fpháp	MS NH	Tên tắt NH	Số phiếu	Số tiền vốn	Lợi tức	Thống kê nội tệ	Mục kế toán
0001	070817001	2:Chuyển số	1102-1007	The First Bank		1,000,000	43,950	1,043,950	1102-1007

4. 5. 6. 4.


Số môn DL nội dung: 1 070817001 2:Chuyển số 127.0.0.1 - 211

STT	Mục kế toán	Tên mục	Chứng thực	MS CT	Chú ý	PS mã mục chủ
0001	1102-1007	The First Bank				

6.

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một đơn trả tiền thể chấp bằng phương thức “thêm”, cần đặt trước một loại đơn “tính chất chứng từ=87:trả tiền thể chấp” trong “thao tác đặt tính chất chứng từ”, sau nhập do hệ thống đưa ra số đơn.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Xác nhận “loại tệ” và “tỷ giá”.
4. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra “số đợt vay tiền” bước trước nhập trong chứng từ “số đợt vay tiền”, hệ thống sẽ đưa ra “số tiền vốn” và “số tiền lãi” phải trả theo số đợt vay tiền này.
5. Chọn trả tiền “phương thức=2:chuyển khoản”.
6. Nhập tài khoản xuất số ở chứng từ “mã số ngân hàng”, sau nhập hệ thống sẽ đưa ra “tên tắt ngân hàng”, “Tài khoản kế toán” và “tên tài khoản”.
7. Nhập xong lưu trữ, sau xác nhận xét duyệt chuẩn, cũng có thể duyệt xét giảm của số dư tiền gửi tài khoản xuất số về trả tiền này trong “thao tác lập TK NH”. Cũng có thể duyệt xét số đợt vay tiền này đã viết lại “số tiền đã hoàn trả” hay trong “thao tác lập dữ liệu thể chấp”.

Ghi chú: nếu số đợt vay tiền này là trả tiền không tuần hoàn, thì có thể bấm phím “chỉ định kết thúc”  trong hàng công cụ của “thao tác lập dữ liệu thể chấp”, thì không cần nhập dữ liệu vay, trả tiền của số đợt vay tiền này.

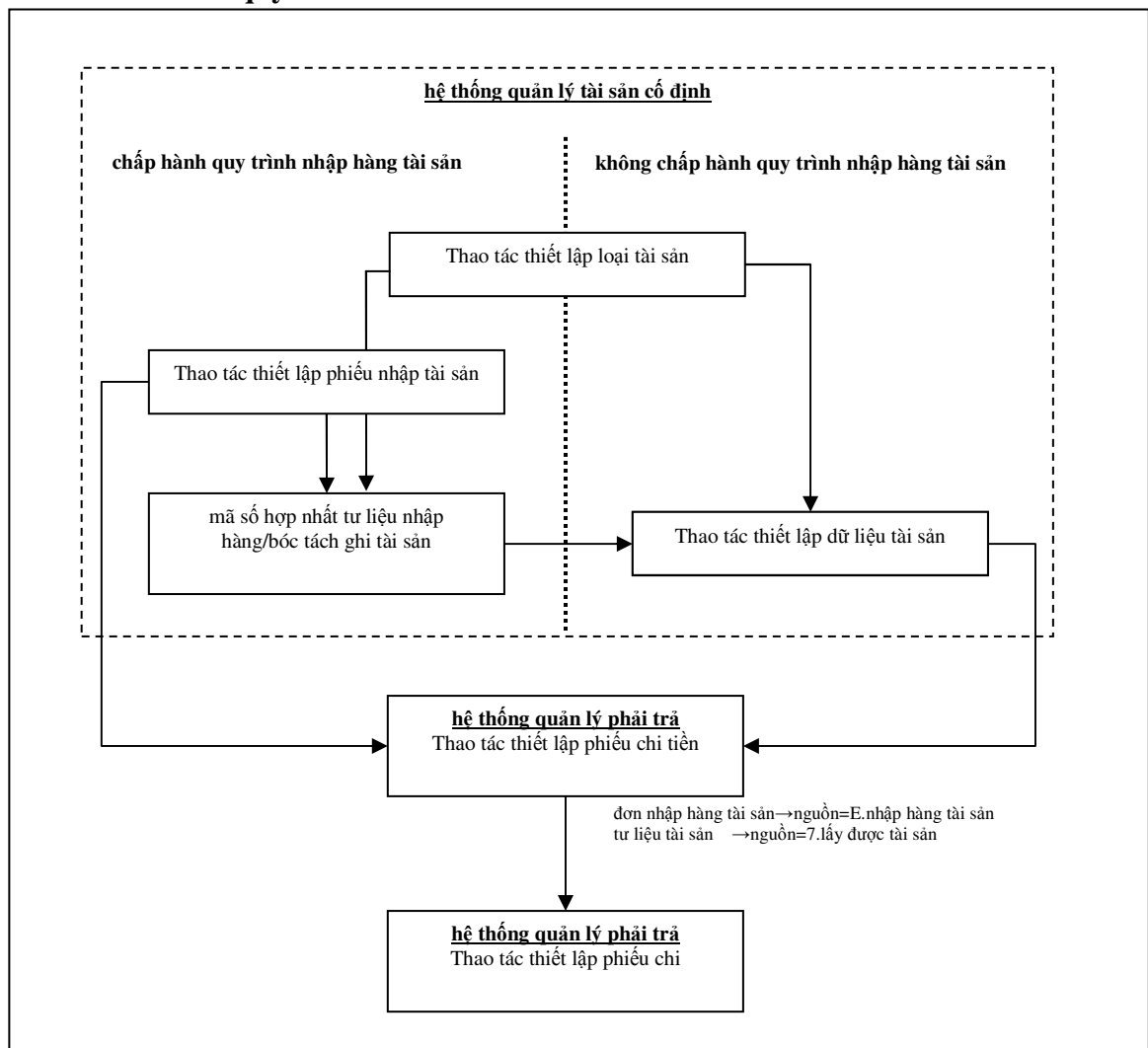
Luyện tập 4:

Vay tiền 500 nghìn cho ngân hàng bằng tài sản cố định “1531-01002 Hsinchu factory

buildings”, lãi suất là 4,125%, thời hạn là nửa năm, tiền gốc và tiền lãi một lần trả hết. Tiền vay sẽ trực tiếp hội nhập vào tài khoản “1102-1007 The First Bank”, khi đến thời hạn cũng có thể thông qua tài khoản này chi trả tiền gốc và tiền lãi.

e. Biến động-lấy được tài sản cố định

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài dữ liệu cơ bản”, “bài thao tác hàng ngày- xin mua, mua hàng tài sản” và “hệ thống quản lý phải trả \ bài thao tác thanh toán”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác:

Hệ thống quản lý tài sản cố định \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập loại tài sản

Hệ thống quản lý tài sản cố định \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu tài sản

(1). Thao tác lập loại tài sản

Thao tác thiết lập loại tài sản (ASTI01)[DSC]

DL (D) Tác dụng (F) Thoát (X)

Chu tiết Xem DL

Mã loại TS 2112

Tên loại TS Máy móc, thiết bị

Mã TK TS 2112

Máy móc/ thiết bị

Mã TK khấu hao lũy kế 2141

Hao mòn TSCĐ hữu hình

Mã TK khấu hao 6424

Chi phí khấu hao TSCĐ

Mã TK tích lũy đánh giá lại

PP khấu hao 1: PP bình quân

Số tháng dùng 36

☐ Xong thủ lấy tiếp

Số tháng dùng sau khấu hao 0

Browse 127.0.0.1 - 211

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập “mã tài khoản tài sản”, “mã tài khoản khấu hao lũy kế”, “mã tài khoản khấu hao”, “phương thức khấu hao” và “số tháng sử dụng” (cần đặt trước trong “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập dữ liệu tài khoản kế toán”), sau nhập dữ liệu tài sản trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”, hoặc khi chấp hành “mã số hợp nhất nhập hàng tài sản/bóc tách ghi tài sản” đặt trước cài đặt của thao tác này.

(2).Thao tác lập dữ liệu tài sản

Thao tác thiết lập dữ liệu tài sản(AST102)[DSC]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã TS 2112 Mã số NVL chính 2112

Tên TS Máy ép Loại TS 2112 Ngày xác nhận 01/07/2009

Quy cách TS 24*45 Máy móc, thiết bị Xác nhận Y0005

Kiểu ☒ NVL chính ☐ NVL phụ Mã CT lấy được C01 0090701001

Mã CT phải tra

何笑廷

DL cơ bản DL khấu hao Khấu trừ đầu tư Xem DL

NCC 1011 Khu vực quản lý

Tên tắt NCC Ta tung

Nhà SX 1011

Tên tắt nhà SX Ta tung

oV Bó

SL 1

Số tháng dùng 25

Số tháng còn lại 24

Ngày lấy được 01/07/2009

Ngày cân đối TK / /

Ghi chú

Ng. tệ

Tiền tệ NTD \$

Giá vốn 1,000,000

Nội tệ

Giá vốn 1,000,000

CP cai tiến 0

Chênh lệch giá 0

Chênh lệch đánh giá lại 0

Mã bộ phận	Tên bộ phận	Người bảo quản	Tên NV	SL	Địa điểm đặt
FD	廠務部門	VN003	Joy	1	CTY

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

DL cơ bản DL khấu hao Khấu trừ đầu tư Xem DL

PP khấu hao 1: PP bình quân Khấu hao lũy kế 40,000

PT phân bổ khấu hao 0: Không phân bổ Giá trị sổ sách 960,000

Xong thì lấy tiếp

Số tháng dùng 0

Số tháng còn lại 0

Số thừa 0

TK TS 2112

Máy móc/ thiết bị

TK khấu hao lũy kế 2141

Hao mòn TSCĐ hữu hình

Cột Bó từ / /

Khấu hao năm theo theo số dư giảm dần

SL khấu hao mỗi tháng theo PP bình quân 40,000

DL cơ bản DL khấu hao Khấu trừ đầu tư Xem DL

Khấu trừ đầu tư 1: Chưa khấu trừ

Tỷ lệ khấu trừ 0.00%

Mã duyệt của CQ cho quan

Ngày duyệt / /

Mã duyệt của Cục thuế

Ngày duyệt / /

Ghi chú khấu trừ


♦ Giải thích trọng điểm:

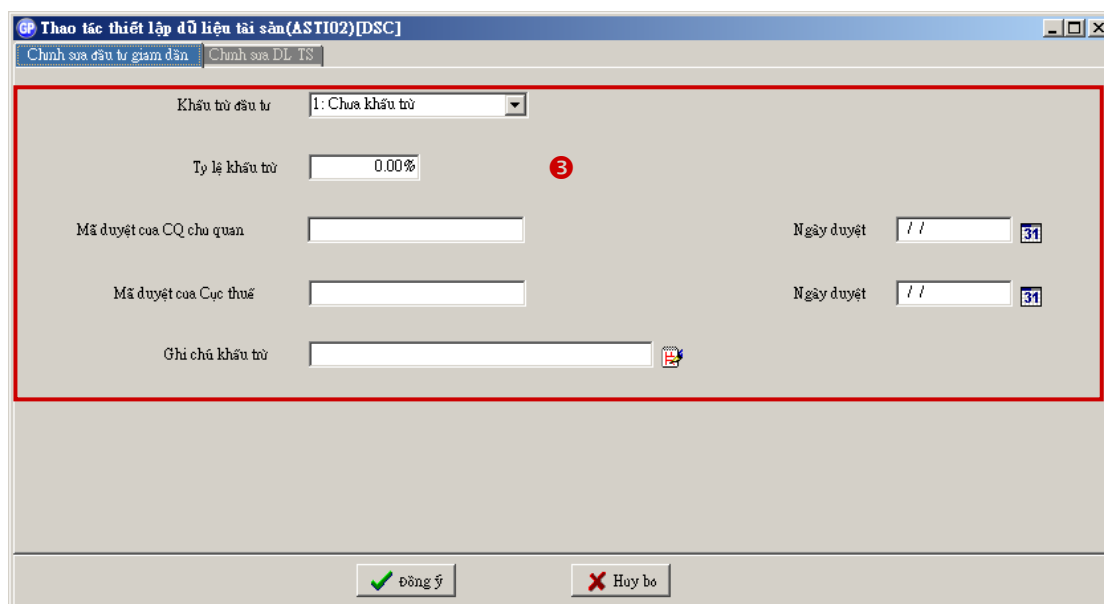
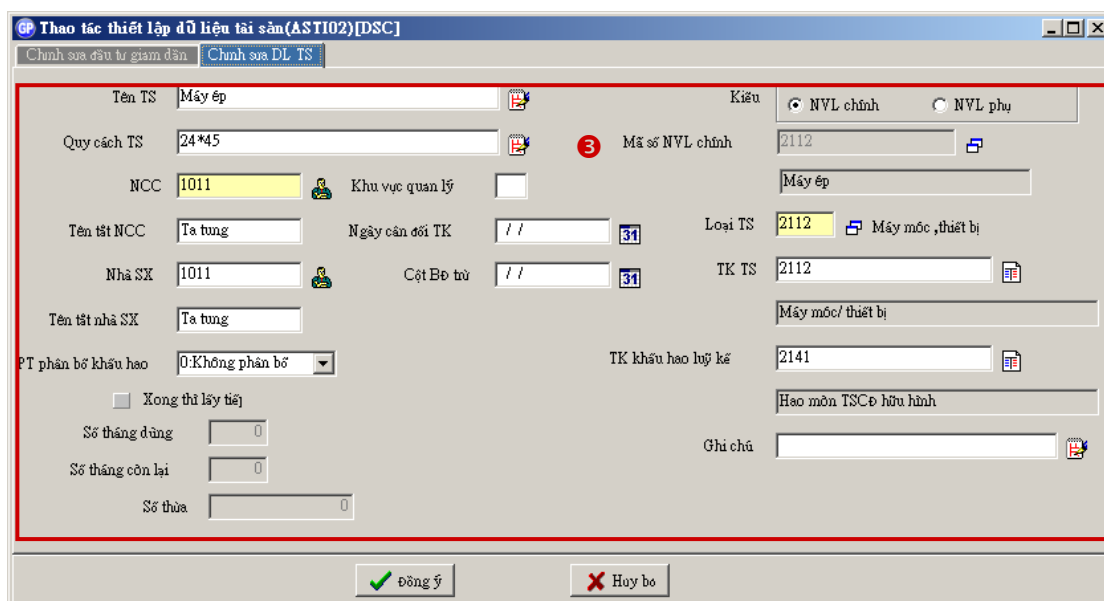
1. Nếu chấp hành quy trình xin mua, mua sắm, nhập hàng của “hệ thống quản lý tài sản cố định”, thì khi chấp hành “mã số tài sản hợp nhất dữ liệu nhập hàng/ghi bóc tách”, sẽ do hệ thống đặt trước bộ phận dữ liệu, như: loại tài sản, lấy giá thành, số tháng sử dụng v.v, nhưng xin kiểm tra tính chính xác của dữ liệu và cần điều chỉnh tinh vi hay không trong thao tác này.

Nếu chưa chấp hành quy trình xin mua, mua sắm, nhập hàng của “hệ thống quản lý tài sản cố định”, sẽ nhập dữ liệu tài sản trong thao tác này.

Ghi chú: thuyết minh thao tác tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài dữ liệu cơ bản”.

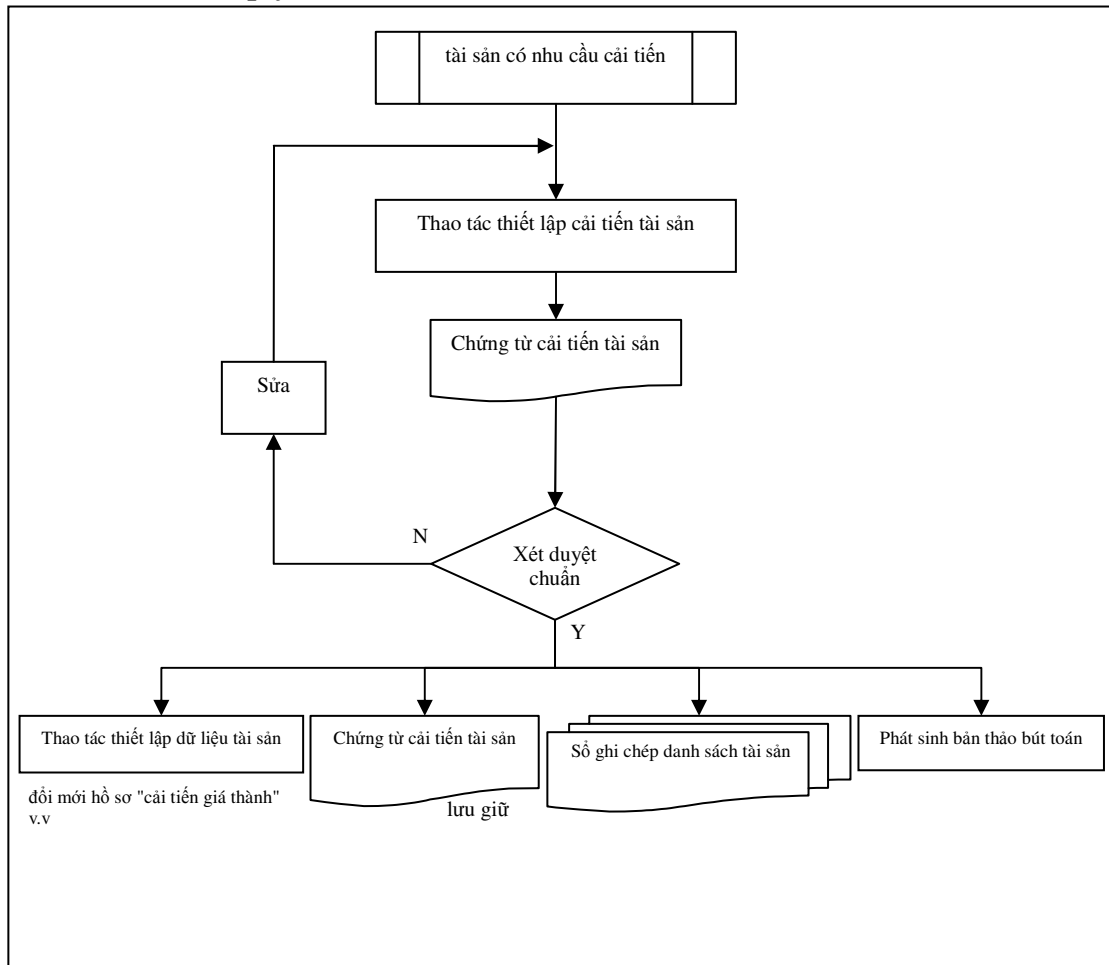
2. Nếu phù hợp tư cách đầu tư, dữ liệu liên quan cũng có thể nhập trong “trang:khẩu trừ đầu tư”.

3. Nếu dữ liệu tài sản đã xác nhận hoặc đã có dữ liệu biến động khác, thì có thể bấm phím sửa chữa  của “sửa chữa dữ liệu tài sản” trong hàng công cụ. Dữ liệu có thể sửa chữa như sau:

f. Biến động-cải tiến tài sản cố định

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- Vị trí thao tác: hệ thống quản lý tài sản cố định \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập cải tiến tài sản
- Giải thích ví dụ: bảo dưỡng DSC của tài sản “2113 Thiết bị truyền dẫn”, giá thành cải tiến NTD36,000, cải tiến lần này không thể tăng thêm hàng năm sử dụng của tài sản.

Dữ liệu của tài sản này như sau:

Thao tác thiết lập dữ liệu tài sản(AST102)[DSC]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã TS: 2113 Mã số NVL chính: 2113
 Tên TS: Thiết Bị Truyền dẫn Loại TS: 2113 Ngày xác nhận: 01/06/2009
 Quy cách TS: 45*70 Thiết bị Truyền dẫn Xác nhận: Y0005
 Kiểu: ☒ NVL chính ☐ NVL phụ Mã CT lấy được: C01 0090601001 Mã CT phải trả: 何笑廷

DL cơ bản DL khấu hao Khấu trừ đầu tư Xem DL

NCC: 1020 Khu vực quản lý: Tên tắt NCC: DSC Số tháng dùng: 36
 Nhà SX: 1020 Số tháng còn lại: 34 Ngày lấy được: 01/06/2009
 Tên tắt nhà SX: DSC Ngày cân đối TK: / /
 oV: SL: 1

Ng. tệ: Tiền tệ: NTD \$ Giá vốn: 36,000
 Nội tệ: Giá vốn: 36,000 CP cải tiến: 0
 Chênh lệch giá: 0 Chênh lệch đánh giá lại: 0

Ghi chú:

Mã bộ phận	Tên bộ phận	Người bảo quản	Tên NV	SL	Địa c
70	QL kho	004	Bob	1 cty	

Browse Số đồng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

DL cơ bản DL khấu hao Khấu trừ đầu tư Xem DL

PP khấu hao: 1: PP bình quân Khấu hao lũy kế: 2,000
 PT phân bổ khấu hao: 0: Không phân bổ Giá trị sổ sách: 34,000
 Xong thủ lấy tiếp: Giá trị còn lại mặc định: 0
 Số tháng dùng: 0 TK TS: 2113
 Số tháng còn lại: 0 Phương tiện vận tải/ truyền dẫn
 Số thừa: TK khấu hao lũy kế: 2141
 Cột Bỏ từ: / / Hao mòn TSCĐ hữu hình
 Khấu hao năm theo theo số dư giảm dần: 0
 SL khấu hao mỗi tháng theo PP bình quân: 1,000

Nhập một đơn cải tiến tài sản:

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt một loại đơn “tính chất chứng từ=C1.cải tiến” trong “thao tác đặt tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra dữ liệu tài sản trong hồ sơ “mã số tài sản” (tài sản này cần đặt trước trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”), chọn được hệ thống sẽ đưa ra “tên tài sản” và “quy cách tài sản”.
4. Nhập “cải tiến giá thành”, bấm F2 tính toán tăng/giảm giá trị bao lưu trong chứng từ “tăng/giảm giá trị bảo lưu”, cũng có thể bấm F2 tính toán tăng/giảm SL khấu hao tháng trong chứng từ “tăng/giảm SL khấu hao tháng”.
5. Có thể nhập dữ liệu ghi chú trong chứng từ “chú ý”.
6. Nhập xong lưu trữ chấp hành quy trình ký xét duyệt, sau xét chuẩn chứng từ sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể duyệt xét kết quả trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”, kết quả này như sau:

DL cơ bản	DL khấu hao	Khấu trừ đầu tư	Xem DL
NCC	1020	Khu vực quản lý	
Tên tài NCC	DSC	Số tháng dùng	36
Nhà SX	1020	Số tháng còn lại	34
Tên tài nhà SX	DSC	Ngày lấy được	01/06/2009
ĐV		Ngày cân đối TK	/ /
SL	1		
Ghi chú			
Ng tệ		Tiền tệ	
Giá vốn		NTD \$	
36,000		36,000	
Nội tệ		Giá vốn	
36,000		CP cải tiến	
		48,000	
		Chênh lệch giá	
		0	
		Chênh lệch đánh giá lại	
		0	

DL cơ bản	DL khấu hao	Khấu trừ đầu tư	Xem DL
PP khấu hao	1: PP bình quân	Khấu hao lũy kế	2,000
PT phân bổ khấu hao	0: Không phân bổ	Giá trị sổ sách	82,000
Xong thủ lấy tiếp		Giá trị còn lại mặc định	0
Số tháng dùng	0	TK TS	2113
Số tháng còn lại	0	Phương tiện vận tải/ truyền dẫn	
Số thừa	0	TK khấu hao lũy kế	2141
Cột Bỏ trừ	/ /	Hao mòn TSCĐ hữu hình	
		Khấu hao năm theo theo số dự giảm dần	0
		SL khấu hao mỗi tháng theo PP bình quân	1,000

7. “Trang: dữ liệu cơ bản”

Giá thành cải tiến: tăng NTD 48,000

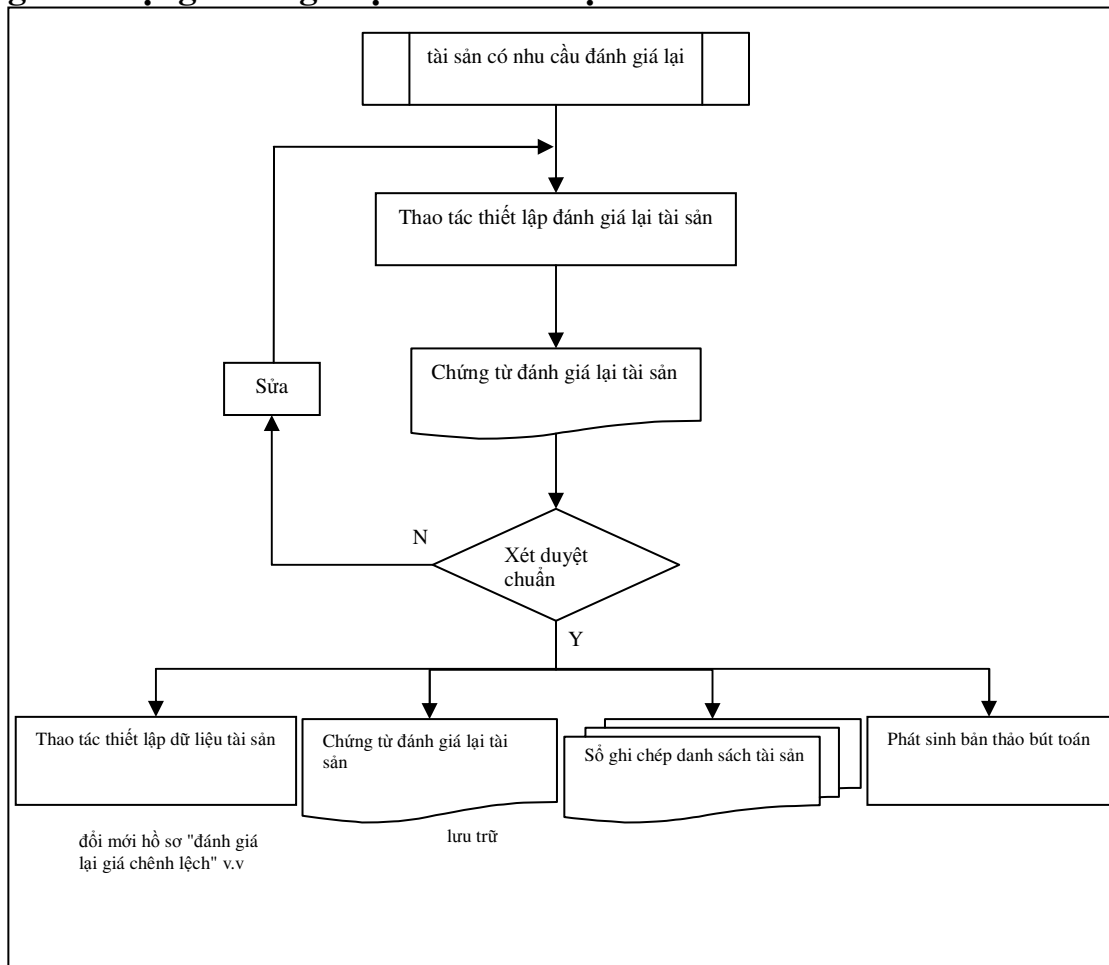
“Trang: dữ liệu khấu hao”

Giá trị trên sổ: tăng NTD 48,000

Luyện tập 5:

Đối với tài sản “1531-01003 Storage Equipment” tăng thêm một thiết bị thăng xuống, tiêu dùng giá thành cải tiến \$100000, cải tiến này sẽ tăng niên hạn sử dụng nửa năm, xin nhập một đơn cải tiến tài sản để ghi lục.

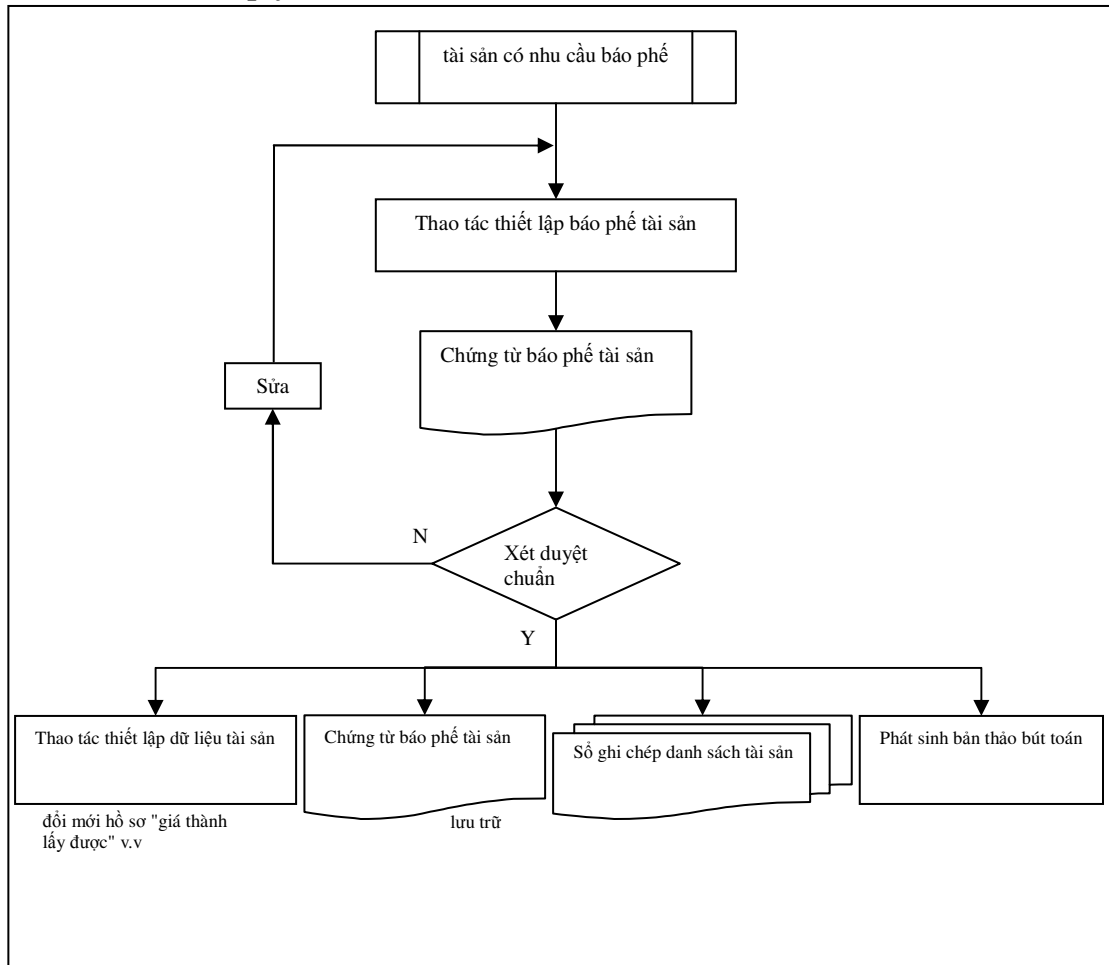
g. Biến động-đánh giá lại tài sản cố định



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

h. Biến động-báo phẩy tài sản cố định

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tài sản cố định \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập báo phế tài sản
- Giải thích ví dụ: tài sản “1551-02004 Toyota Camary” đã không sử dụng được, báo phế sớm hơn 13 tháng.

Dữ liệu tài sản này như sau:

Lập dữ liệu TS[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

MS tài sản: 1551-02004 MS VL chính: 1551-02004

Tên TS: Toyota Camary Loại tài sản: 1551 Ngày chấp nhận: 2003/09/01

Quy cách tài sản: 2000 CC B2-110 Delivery Equipment

Kiểu: ☒ VL chính 1 ☐ VL phụ 2 Sđ đơn lấy được: C01 030901001 Người CN: DS

MS A/P: System Administrator

DL cơ bản | Dữ liệu hao mòn | Khấu trừ đầu tư | Xem DL

NMCC: 1003 Phân biệt quản lý: ☐

Tên tắt NCP: Asset Số tháng bán: 48

Nhà máy chế tạo: 1003 Số tháng chưa phân bổ: 13

Tên tắt NCT: Asset Ngày lấy được: 2003/09/01

SV: Ngày xóa sổ: / /

SL: 1

Chú ý:

Nguyên tệ: Loại tệ: NTD \$ Giá thành: 800,000

Nội tệ: Giá thành: 800,000 GT cải lương: 0

Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

Giá chênh lệch: 0

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Địa điểm đặt	Chú ý
30	Sales department	001	Jacky	1		

Browse | Số môn DL nội dung: 1 | 127.0.0.1 - 211

DL cơ bản | **Dữ liệu hao mòn** | Khấu trừ đầu tư | Xem DL

Ppháp trừ hao mòn: 1.Pháp quân bình Hao mòn tích lũy: 583,345

Ppháp phân bổ: 0.Không phân bổ SL trên sổ: 216,655

☐ Xong thì tiếp lấy Tr. khấu trừ đầu tư: 0

Số tháng bán: 0 Mục tài sản: 1551

Số tháng chưa phân bổ: 0 Delivery Equipment

Số dư: 0 Mục hao mòn tích lũy: 1552

Cột bắt đầu lấy: / / Accum Depreciation for Delivery

SL hao mòn cao nhất theo giảm dần cố định tỷ lệ: 0

SL hao mỗi tháng Ppháp QB: 16,667

Nhập một đơn báo phế tài sản:

Chi tiết Xem DL

1. Loại CT: C30 Scrap

Số đơn: 070817001

2. Ngày CT: 2007/08/17

3. MS tài sản: 1551-02004

Tên TS: Toyota Camary

Quy cách: 2000 CC B2-110

Chú ý:

Trạng thái xét: N:Không chấp hạn xét duyệt diên tu

4. SL: 1

Chuyên bán:

Giá thành: 800,000

GT cải lương: 0

Hao mòn tích lũy: 583,345

Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

5. Tr. khấu trừ dự lưu: 0

Số cũ trừ mỗi tháng: 16,667

6. ☒ Xóa sổ tự động

PS mục chi

7.

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Chú ý
30	Sales department	001	Jacky	1	

Số môn DL nội dung: 1 30 Sales department 001 Jacky 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt trước một loại đơn “tính chất chứng từ=C3.báo phế” trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra dữ liệu tài sản trong chứng từ “mã số tài sản” (tài sản này cần đặt trước trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”), chọn được hệ thống sẽ đưa ra “tên tài sản” và “quy cách tài sản”.
4. Hệ thống sẽ đưa ra “lấy giá thành”, “giá thành cải tiến”, “khấu hao tích lũy” và “đánh giá lại giá trị chênh lệch” theo “số lượng” báo phế đã nhập.
5. Có thể bấm F2 tính toán lại trị giá bảo lưu và số tiền khấu hao trong mỗi tháng của việc báo phế trong chứng từ “số tiền khấu hao trong mỗi tháng”.
6. Xác nhận có thể sau báo phế “xóa sổ” tài sản này hay không.
7. Bấm F3 kiểm tra tài sản bộ môn trong “mã số bộ môn” của thân đơn, sau chọn được sẽ đưa ra dữ liệu “mã số bộ môn” và “người bảo quản” (nếu bấm F2 thì chỉ có thể kiểm tra mã số bộ môn trong “mã số bộ môn”, cần mở cửa kiểm tra dữ liệu người bảo quản trong chứng từ “người bảo quản”).
8. Nhập xong lưu trữ chấp hành quy trình ký xét duyệt, sau xét chuẩn chứng từ sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể duyệt xét kết quả trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”, kết quả này như sau:

DL cơ bản | Dữ liệu hao mòn | Khấu trừ đầu tư | Xem DL

NMCC: 1003 | Phân biệt quản lý: ☐ | Nguyên tắc: Loại tài: NTD \$ | Giá thành: 800,000

Tên tài NCP: Asset | Số tháng bán: 48

Nhà máy chế tạo: 1003 | Số tháng chưa phân bổ: 13

Tên tài NCT: Asset | Ngày lấy được: 2003/09/01

SL: 0 | Ngày xóa sổ: 2007/08/17

Nội tệ: Giá thành: 0 | GT cái lương: 0 | Đánh giá lại giá chênh lệch: 0 | Giá chênh lệch: 0

Chú ý:

DL cơ bản | Dữ liệu hao mòn | Khấu trừ đầu tư | Xem DL

Ppháp trừ hao mòn: 1:Pháp quân bình | Hao mòn tích lũy: 0

Ppháp phân bổ: 0:Không phân bổ | SL trên sổ: 0

Xong thủ tiếp lấy: ☐ | Tr. khuyết dự lu: 0

Số tháng bán: 0 | Mục tài sản: 1551 | Delivery Equipment

Số tháng chưa phân: 0 | Mục hao mòn tích lũy: 1552 | Accum Depreciation for Delivery

Số dư: 0 | SL hao mòn cao nhất theo giảm dần cố định tỷ lệ: 0

Cắt bắt đầu lấy: / / | SL hao mòn mỗi tháng Ppháp QB: 0

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Đã điểm cắt	Chú ý

Browse | Số môn DL nội dung: 0 | 127.0.0.1 - 211

9. “Trang:dữ liệu cơ bản”

SL:0

Ngày xóa sổ: vì mã số tài sản này đã không có số lượng, viết lại ngày đơn báo phế.

Giá thành lấy được:0

“Trang: dữ liệu khấu hao”

Tích lũy khấu hao:0

SL trên sổ:0

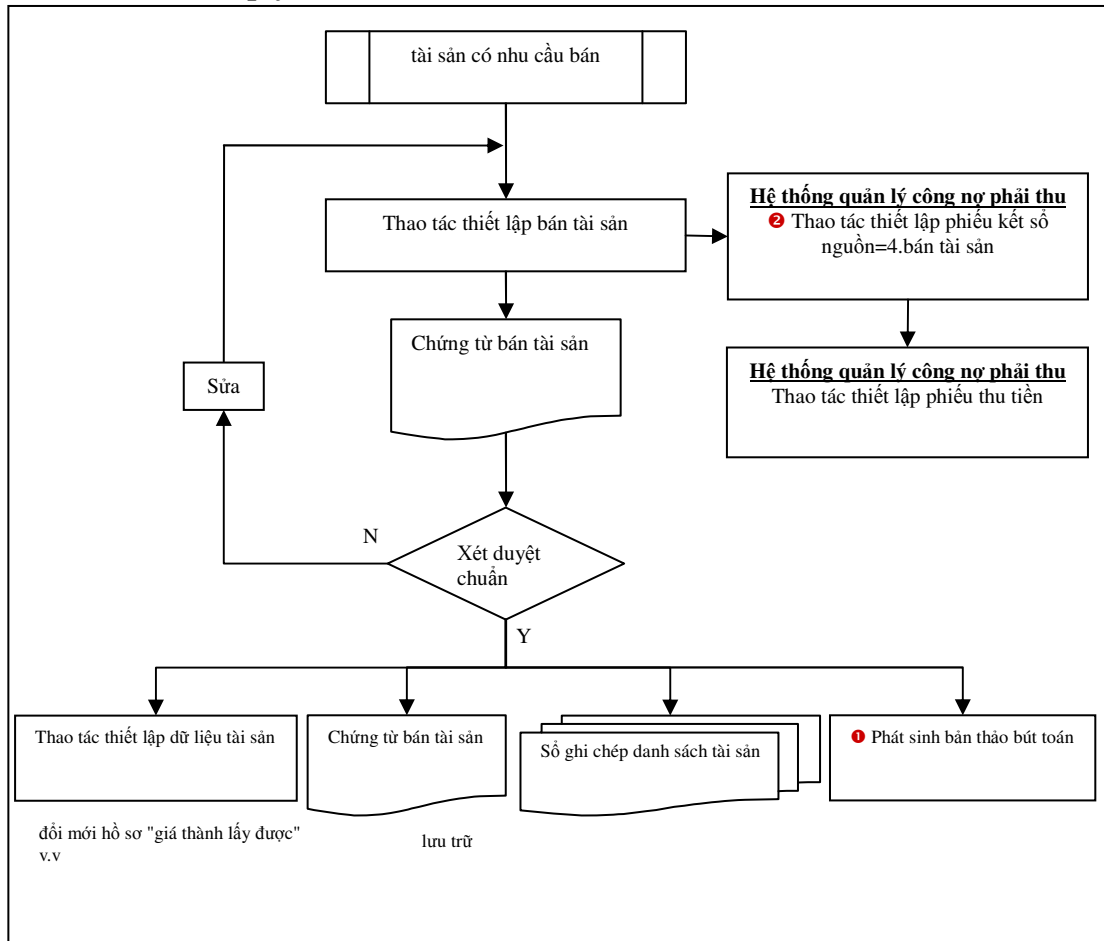
Trị giá bảo lưu:0

SL khấu hao mỗi tháng theo phương pháp bình quân:0

“Thân đơn”: vì mã số tài sản này đã không có số lượng, vậy hủy bỏ hết dữ liệu bộ môn bảo quản và người bảo quản.

i. Biến động-bán tài sản cố định

1. Giải thích quy trình



① và ② có thể chọn một CT kế toán bán chuyên.

Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tài sản cố định \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập bán tài sản
- Giải thích ví dụ: công ty quyết định mua mô-tô công vụ 50 CC mới, bán tài sản mã số là “1551-02005 SYM motorcycle” cho công nhân viên Jeff.

Dữ liệu tài sản này như sau:

Lập dữ liệu TS[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

MS tài sản: 1551-02005 MS VL chính: 1551-02005

Tên TS: SYM motorcycle Loại tài sản: 1551 Ngày chấp nhận: 2004/01/01

Quy cách tài sản: 50CC MVP-779 Delivery Equipment

Kiểu: ☒ VL chính 1 ☐ VL phụ 2 Sđ đơn lấy được: C01 040101001 Người CN: DS

MS A/P: System Administrator

DL cơ bản Dữ liệu hao mòn Khấu trừ đầu tư Xem DL

NMCC: 1003 Phân biệt quản lý: ☐

Tên tắt NCP: Asset Số tháng bán: 48

Nhà máy chế tạo: 1003 Số tháng chưa phân bổ: 17

Tên tắt NCT: Asset Ngày lấy được: 2004/01/01

SV: Ngày xóa sổ: / /

SL: 1

Chú ý:

Nguyên tệ: Loại tệ: NTD \$ Giá thành: 35,000

Nội tệ: Giá thành: 35,000 GT cai lương: 0

Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

Giá chênh lệch: 0

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Địa điểm đặt	Chú ý
30	Sales department	305	Jeff	1		

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

DL cơ bản Dữ liệu hao mòn Khấu trừ đầu tư Xem DL

Ppháp trừ hao mòn: 1:Pháp quân bình Hao môn tích lũy: 22,599

Ppháp phân bổ: 0:Không phân bổ SL trên sổ: 12,401

☐ Xong thì tiếp lấy Tr khấu trừ dự lưu: 0

Số tháng bán: 0 Mục tài sản: 1551

Số tháng chưa phân bổ: 0 Delivery Equipment

Số dự: 0 Mục hao môn tích lũy: 1552

Cột bắt đầu lấy: / / Accum Depreciation for Delivery























SL hao mòn cơ bản theo giảm dần cố định tỷ lệ: 0

SL hao mỗi tháng Ppháp QB: 729

Nhập một đơn bán tài sản:

GP Thao tác lập bán tài sản[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

1                      

1 **Loại CT** C40 **Loại Sale** 1 1 **MS KH** Jeff **CT TT**

Số đơn 070819001 **CONFIRM** **Tên tắt KH**

2 **Ngày CT** 2007/08/19 **Ngày Bp** 2007/08/19 **Chứng thực**

3 **MS tài sản** 1551-02005 **Trạng thái xét** N.Không chấp hạn xét duyệt đi **MS CT**

Tên TS SYM motorcycle **PS mục chi**

Quy cách tài sản 50CC MVP-779

DL GD 1 **DL GL 2** **Dữ liệu Hb** **Xem DL**

4 **SL** 1 **Giá thành** 35,000 **Hao mòn tích lũy** 22,599 **In** 0

GT cái lương 0 **Trị khuyết dự lưu** 0 **Lần gửi** 0

Đánh giá lại giá chênh lệch 0 **Số cũ trừ mỗi tháng** 0 **Chú ý** Jeff

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Chú ý
30	Sales department	305	Jeff	1	

10

瀏覽 Số môn DL nội dung: 1 30 Sales department 305 Jeff 127.0.0.1 - 211

DL GD 1 **DL GL 2** **Dữ liệu Hb** **Xem DL**

Loại tē NTD **Hối suất** 1 **Xu phát tăng giảm** 0

Số tiền bán nguyên tē 0 **Số tiền bán nội tē** 0 **Xóa số tự động** 9

Thuế chưa ứng nguyên tē 0 **Thuế chưa ứng thuế tiền tē này** 0

Thuế nguyên tē 0 **Thuế nội tē** 0

GP F2Tra cứu cơ sở

Tra lại Mã bộ môn **>=** 30

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Mức hao mòn	Điểm đặt
30	Sales department	305	Jeff	1	6115	

10

Số môn DL 1 **Số cột** 7

OK **Hủy bỏ**

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt trước một loại đơn “tính chất chứng từ=C4.bán” trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra dữ liệu tài sản trong chứng từ “mã số tài sản” (tài sản này cần đặt trước trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”), sau chọn hệ thống sẽ đưa ra “tên tài sản” và “quy cách tài sản”.
4. Hệ thống sẽ đưa ra “giá thành lấy được”, “giá thành cải tiến”, “tích lũy khấu hao” và “đánh giá lại giá trị chênh lệch” theo “SL” bán đã nhập.
5. Có thể bấm F2 tính toán trị giá bảo lưu và số tiền khấu hao mỗi tháng sẽ khấu trừ trong chứng từ “trị giá bảo lưu” và “số tiền khấu hao mỗi tháng”.
6. Có thể ghi chú rõ bán mô-tô nào trong chứng từ “chú ý”.
7. Nhập bán cho công nhân viên Jeff trong chứng từ “mã số khách hàng”.
8. Tiếp theo nhập “loại tệ”, “tỷ giá” và “số tiền bán nguyên tệ” sẽ bán.

Số tiền bán nội tệ=số tiền bán nguyên tệ * tỷ giá

Lỗ lãi xử lý=số tiền bán nguyên tệ * tỷ giá – (giá thành lấy được+giá thành cải tiến+ đánh giá lại giá trị chênh lệch-tích lũy khấu hao)

9. Xác nhận sau bán “xóa sổ” tài sản này hay không.
10. Bấm F3 kiểm tra tài sản bộ môn trong “mã số bộ môn” của thân đơn, sau chọn sẽ đưa ra dữ liệu “mã số bộ môn” và “người bảo quản” (nếu bấm F2 trong “mã số bộ môn” chỉ có thể kiểm tra mã số bộ môn, cần mở cửa kiểm tra dữ liệu người bảo quản trong “người bảo quản”).
11. Nhập xong lưu trữ chấp hành quy trình ký xét duyệt , sau xét chuẩn chứng từ sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể duyệt xét kết quả trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”, kết quả này như sau:

DL cơ bản		Dữ liệu hao mòn		Khấu trừ đầu tư		Xem DL											
NMCC	1003	Phân biệt quản lý		Nguyên tệ													
Tên tắt NCP	Asset	Số tháng bán	48	Loại tệ	NTD	\$											
Nhà máy chế tạo	1003	Số tháng chưa phân bổ	17	Giá thành			35,000										
Tên tắt NCT	Asset	Ngày lấy được	2004/01/01	<div style="border: 2px solid red; padding: 5px;"> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Nội tệ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giá thành</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>GT cải lương</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Đánh giá lại giá chênh lệch</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>Giá chênh lệch</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> </div>				Nội tệ		Giá thành	0	GT cải lương	0	Đánh giá lại giá chênh lệch	0	Giá chênh lệch	0
Nội tệ																	
Giá thành	0																
GT cải lương	0																
Đánh giá lại giá chênh lệch	0																
Giá chênh lệch	0																
oY		Ngày xóa sổ	2007/08/19														
SL	0																
Chú ý																	

DL cơ bản **Dữ liệu hao mòn** Khấu trừ đầu tư Xem DL

Ppháp trừ hao mòn 1:Pháp quân bình

Ppháp phân bổ 0:Không phân bổ

☐ Xong thì tiếp lấy

Số tháng bản 0

Số tháng chưa phân 0

Số dư 0

Cắt bắt đầu lấy / /

SL hao mòn ca năm theo giảm dần cố định tỷ lệ 0

SL hao mỗi tháng Ppháp QB 0

Hao mòn tích lũy 0

SL trên sổ 0

Tr. khuyết dư lưu 0

Mục tài sản 1551

Delivery Equipment

Mục hao mòn tích lũy 1552

Accum Depreciation for Delivery

Mã bộ môn Tên bộ môn NV BQ Họ tên SL Địa điểm đặt Chú ý

Browse Số môn DL nội dung: 0 127.0.0.1 - 211

12. “Trang:dữ liệu cơ bản”

SL: 1 trừ 1 → 0

Ngày xóa sổ: vì mã số tài sản này vẫn có số lượng, vậy không được viết lại ngày xóa sổ.

Giá thành lấy được: 35000 trừ 35000 → 0

“Trang: dữ liệu khấu hao ”

Tích lũy khấu hao: 22599 trừ 22599 → 0

SL trên sổ: 12401 trừ 12401 → 0

Trị giá bảo lưu: 0 trừ 0 → 0

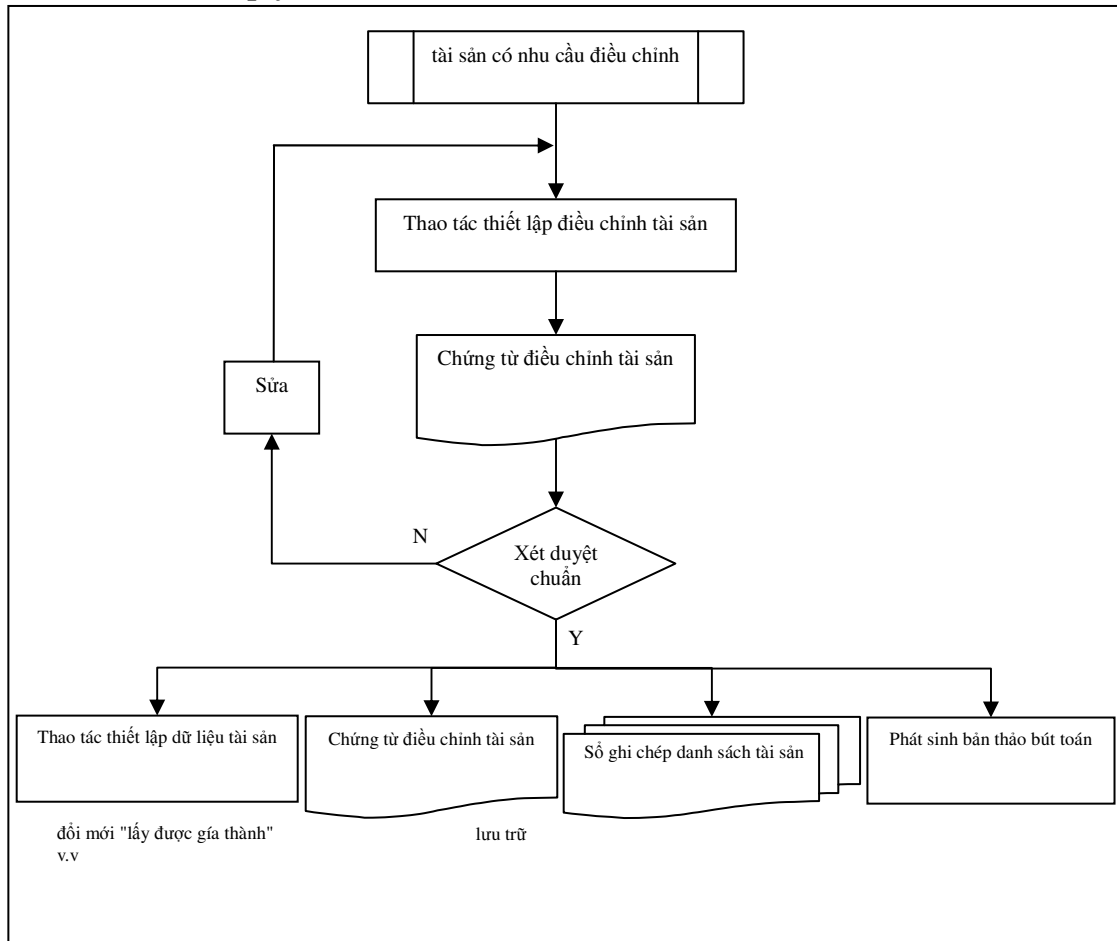
Số tiền khấu hao theo phương pháp bình quân mỗi tháng: 729 trừ 729 → 0

“Thân đơn”

“Bộ môn bảo quản” của mã số tài sản là “30Sales Department” và “người bảo quản” là “305 Jeff” dữ liệu sẽ bị hủy bỏ.

j. Biến động-điều chỉnh tài sản cố định

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tài sản cố định \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập điều chỉnh tài sản
- Giải thích ví dụ: sau quy hạch lại vị trí làm việc, Sales Department phát hiện một chiếc tài sản mã số là “1561-08002 LCD”, xử lý bằng đơn điều chỉnh.

Dữ liệu tài sản này như sau:

Lập dữ liệu TS[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

MS tài sản: 1561-08002 MS VL chính: 1561-08002

Tên TS: LCD Loại tài sản: 1561 Ngày chấp nhận: 2005/08/01

Quy cách tài sản: Viewsonic 15" Officerary Equipment

Kiểu: ☒ VL chính 1 ☐ VL phụ 2 Sđ đơn lấy được: C01 050801001 Người CN: DS

MS A/P: System Administrator

DL cơ bản Dữ liệu hao mòn Khấu trừ đầu tư Xem DL

NMCC: 1003 Phân biệt quản lý: ☐

Tên tắt NCP: Asset Số tháng bản: 36

Nhà máy chế tạo: 1003 Số tháng chưa phân bổ: 12

Tên tắt NCT: Asset Ngày lấy được: 2005/08/01

SL: 10 Ngày xóa sổ: / /

Chú ý:

Nguyên tắc: Loại tài: NTD \$

Giá thành: 0

Nội tắc: Giá thành: 69,900

GT cai lương: 0

Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

Giá chênh lệch: 0

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Địa điểm đặt	Chú ý
31	Sales Division1	310	Merry	10		

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

DL cơ bản Dữ liệu hao mòn Khấu trừ đầu tư Xem DL

Ppháp trừ hao mòn: 1:Pháp quân bình Hao môn tích lũy: 46,608

Ppháp phân bổ: 0:Không phân bổ SL trên sổ: 23,292

☐ Xong thì tiếp lấy Tr. khuyết dự lưu: 0

Số tháng bản: 0 Mục tài sản: 1561

Số tháng chưa phân bổ: 0 Officerary Equipment

Số dư: 0 Mục hao môn tích lũy: 1562

Cột bắt đầu lấy: / / Accum Depreciation for Officerary Equipment

SL hao mòn cơ bản theo giảm dần cố định tỷ lệ: 0

SL hao mỗi tháng Ppháp QB: 1,942

Nhập một đơn điều chỉnh tài sản:

Thao tác lập điều chỉnh tài sản[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

1. Loại CT: C50 Adjust

Số đơn: 070817001

2. Ngày CT: 2007/08/17

3. MS tài sản: 1561-08002

Tên TS: LCD

Quy cách: Viewsonic 15"

4. Chú ý: Loss

PS mục chi

Chứng thực

MS CT

Ngày BQ: 2007/08/17

Người CN: DS

Trạng thái xét: N Không chấp hạn xét duyệt điện

In: 0

System Administrator

Lần gửi: 0

Tăng/giam

5. SL: -1

ĐV

Số tháng chưa dùng: 0

Số tháng bán: 0

Giá thành: -6,990

GT cài lương: 0

Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

Hao mòn tích lũy: -4,661

Trị khuyết dự lưu: 10,482

Số cũ trừ mỗi tháng: -1,069

6

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Chú ý
31	Sales Division1	310	Merry	-1	

7. CONFIRM

Số môn DL nội dung: 1

31 Sales Division1 310 Merry

127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt một loại đơn “tính chất chứng từ=C5. điều chỉnh” trong “thao tác đặt tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra dữ liệu tài sản trong chứng từ “mã số tài sản” (tài sản này cần đặt trước “thao tác lập dữ liệu tài sản”), sau chọn hệ thống sẽ đưa ra “tên tài sản” và “quy cách tài sản”.
4. Có thể nhập mục ghi chú rõ trong “chú ý”.
5. Hệ thống sẽ đưa ra “giá thành lấy được” “giá thành cải tiến”, “tích lũy khấu hao” và “đánh giá lại trị giá chênh lệch” theo “số lượng” điều chỉnh đã nhập. Có thể sửa chữa theo nhu cầu thực tế, “số tháng chưa dùng” và “số tháng sử dụng” cũng như nhau. Có thể bấm F2 tính toán trị giá bảo lưu và số tiền khấu hao mỗi tháng sẽ tăng giảm trong chứng từ “Trị giá bảo lưu” và “số tiền khấu hao mỗi tháng”.

Ghi chú: nhập số dương bày tỏ “tăng”, số âm bày tỏ “giảm”.

6. Bấm F3 kiểm tra tài sản bộ môn trong “mã số bộ môn” của thân đơn, sau chọn được sẽ đưa ra dữ liệu “mã số bộ môn” và “người bảo quản” (nếu bấm F2 trong “mã số bộ môn” thì có thể kiểm tra mã số bộ môn, cần mở cửa kiểm tra dữ liệu người bảo quản trong chứng từ “người bảo quản”).
7. Nhập xong lưu trữ chấp hành quy trình ký xét duyệt, sau xét chuẩn chứng từ sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể duyệt xét kết quả trong “thao tác lập dữ liệu dữ liệu tài sản”, kết quả này như sau:

DL cơ bản | Dữ liệu hao mòn | Khấu trừ đầu tư | Xem DL

NMCC: 1003 | Phân biệt quản lý: | Nguyên tắc: | Loại tài: NTD \$

Tên tài NCP: Asset | Số tháng bản: 36 | Giá thành: 0

Nhà máy chế tạo: 1003 | Số tháng chưa phân bổ: 12

Tên tài NCT: Asset | Ngày lấy được: 2005/08/01

eV: | Ngày xóa sổ: / /

SL: 9

Nội tài:

- Giá thành: 62,910
- GT cải lương: 0
- Đánh giá lại giá chênh lệch: 0
- Giá chênh lệch: 0

Chú ý:

DL cơ bản | Dữ liệu hao mòn | Khấu trừ đầu tư | Xem DL

Ppháp trừ hao mòn: 1:Pháp quân bình | Hao mòn tích lũy: 41,947

Ppháp phân bổ: 0:Không phân bổ | SL trên sổ: 20,963

☐ Không thủ tiếp lấy | Tr. khấu trừ dự lưu: 10,482

Số tháng bản: 0 | Mục tài sản: 1561

Số tháng chưa phân: 0 | Officiary Equipment

Số dự: 0 | Mục hao mòn tích lũy: 1562

Cột bắt đầu lấy: / / | Accum Depreciation for Officiary Equipment

SL hao mòn cơ bản theo giảm dần cố định tỷ lệ: 0

SL hao mòn tháng Ppháp QB: 873

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Đa điểm đặt	Chú ý
31	Sales Division1	310	Merry	9		

Browse | Số môn DL nội dung: 1 | 127.0.0.1 - 211

8. “Trang: dữ liệu cơ bản”

SL: 10 trừ 1→9

Giá thành lấy được: 69900 trừ 6990→62910

“Trang: dữ liệu khấu hao”

Tích lũy khấu hao :46608 trừ 4661→41947

SL trên sổ: giá thành lấy được 62910 trừ tích lũy khấu hao 41947→20963

Trị giá bảo lưu: 0 trừ 10,482→10,482

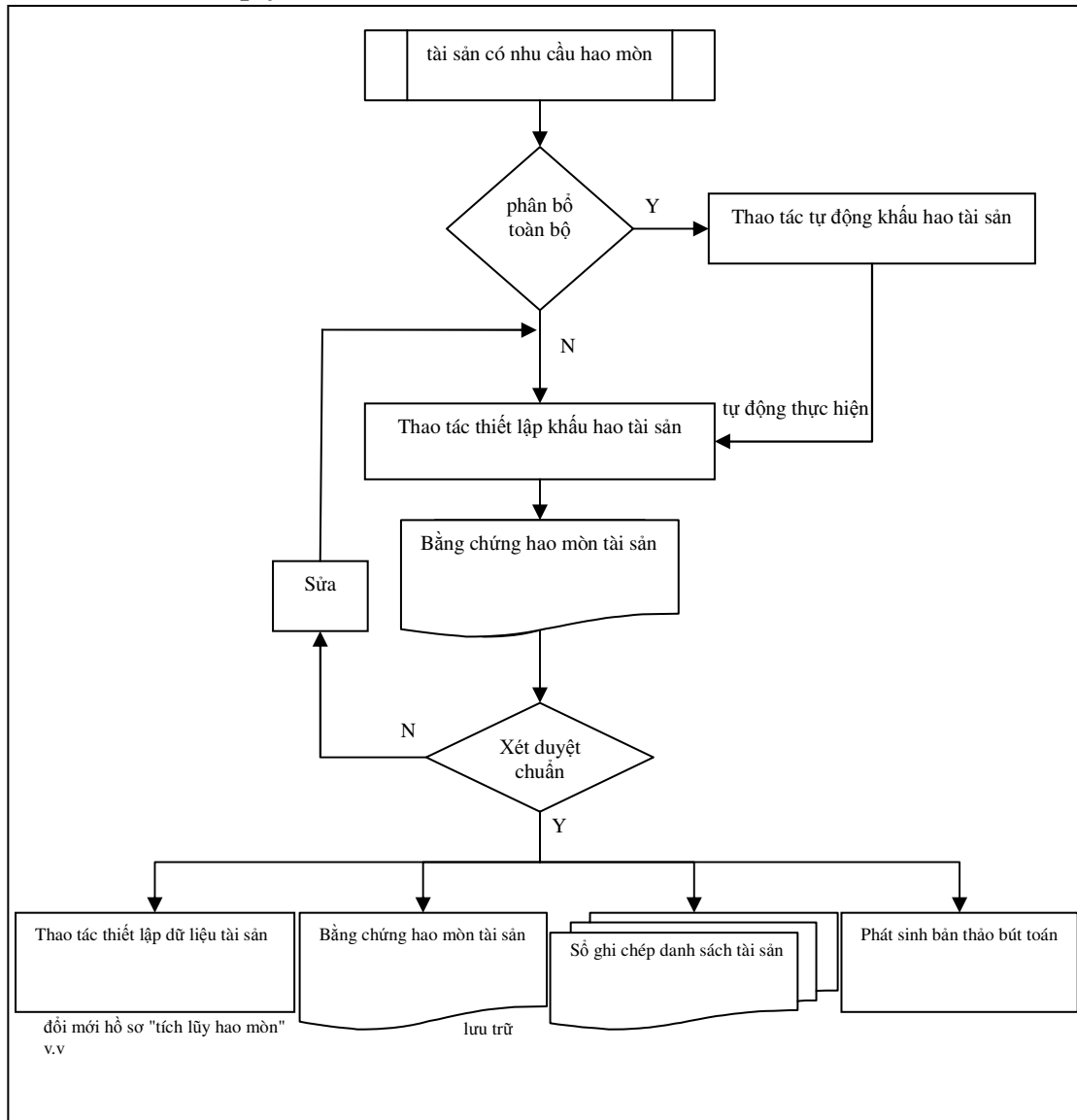
số tiền khấu hao theo phương pháp bình quân tháng: 1942 trừ 1069→873

“Thân đơn”

Số lượng bảo quản do 1 trừ 1→9 của “bộ môn bảo quản” là “31 Sales Department” và “người bảo quản” là “310 Merry”.

k.Biến động-hao mòn(khấu hao) tài sản cố định

1.Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Phương thức 1: nhập bằng tay
- ♦ Vị trí thao tác: hệ thống quản lý tài sản cố định \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập khấu hao tài sản
- ♦ Giải thích ví dụ: trình bày chi phí hao mòn tháng 8 của tài sản “1541-01002 Electromotor”.

Dữ liệu tài sản như sau:

Lập dữ liệu TS[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

MS tài sản: 1541-01002 MS VL chính: 1541-01002

Tên TS: Electromotor Loại tài sản: 1541 Ngày chấp nhận: 2001/11/01

Quy cách tài sản: 300M Machinery Số đơn lấy được: C01 901101003 Người CN: DS

Kiểu: ☒ VL chính 1 ☐ VL phụ 2 MS A/P: System Administrator

DL cơ bản Dữ liệu hao mòn Khấu trừ đầu tư Xem DL

NMCC: 1003 Phân biệt quản lý: ☐ Nguyên tắc: ☐ Loại tài: NTD \$

Tên tắt NCP: Asset Số tháng bản: 96 Giá thành: 120,000

Nhà máy chế tạo: 1003 Số tháng chưa phân bổ: 27 Nội tệ: Giá thành: 120,000

Tên tắt NCT: Asset Ngày lấy được: 2001/11/01 GT cai lương: 0

eV: ☐ Ngày xóa sổ: / / Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

SL: 1 Giá chênh lệch: 0

Chú ý:

Mã bộ môn	Tên bộ môn	NV BQ	Họ tên	SL	Đã chấm dứt	Chú ý
B0	Administration department	B01	Helen	1		

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

DL cơ bản **Dữ liệu hao mòn** Khấu trừ đầu tư Xem DL

Ppháp trừ hao mòn: 1:Pháp quân bình Hao mòn tích lũy: 76,659

Ppháp phân bổ: 2:Theo tỷ lệ cố định SL trên số: 43,341

☐ Xong thì tiếp lấy Tr: khuyết dự lưu: 13,333

Số tháng bản: 0 Mục tài sản: 1541

Số tháng chưa phân: 0 Machinery

Số dự: 0 Mục hao mòn tích lũy: 1542

Cột bắt đầu lấy: 2001/11/01 Accum Depreciation for Machine

SL hao mòn cao nhất theo giảm dần cố định tỷ lệ: 0

SL hao mòn mỗi tháng Ppháp QB: 1,111

GP Thao tác lập phân bổ tỷ lệ cố định[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Navigation icons: back, forward, check, error, print, save

Bộ môn phân bổ	Tên bộ môn	Tỷ lệ phân bổ
91	Manufacturing Division1	55.00%
92	Manufacturing Division2	45.00%

修改 Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

Nhập một đơn hao mòn tài sản:

GP Thao tác lập hao mòn tài sản[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Navigation icons: back, forward, check, error, print, save, etc.

Chi tiết Xem DL

1. Loại CT: C60 Depreciation

2. Ngày CT: 2007/08/31

3. MS tài sản: 1541-01002

7. CONFIRM

3. Tiền phí hao mòn: 1,111

4. Ngày B: 2007/08/31

4. Xóa số tự động

PS mục chi

MS CT

In: 0 Lăn gửi: 0

Người CN: DS

System Administrator

Trạng thái xét: N:Không chấp hạn xét duyệt điện tử

Tên TS: Electromotor

Quy cách tài sản: 300M

Chú ý

Mã bộ môn	Tên bộ môn	Mức hao mòn	Tên mục	Tiền phí hao mòn	Chú ý
91	Manufacturing Division1	5515	Depreciation	611	
91	Manufacturing Division1	5515	Depreciation	500	

5. 6.

瀏覽 Số môn DL nội dung: 2 91 Manufacturing Division1 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nhập một chứng từ bằng phương thức “thêm”, cần đặt một loại đơn “tính chất=C6.hao mòn” trong “thao tác đặt tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày chứng từ”.
3. Nhập hoặc bấm F2 mở cửa đưa ra dữ liệu tài sản trong chứng từ “mã số tài sản” (tài sản này cần đặt trước trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”), sau chọn hệ thống sẽ đưa ra “mã số tài sản” và “quy cách tài sản” (kiểu mẫu này là “số tiền

- khấu hao theo phương pháp bình quân tháng”).
- Ước tính “tự động xóa sổ” đã vạch chọn, thì nếu chứng từ này là trình bày chi phí hao mòn cuối cùng, sẽ điền vào “ngày xóa sổ”, tiếp theo sẽ không trình bày hao mòn.
 - Bấm F3 kiểm tra tài sản bộ môn trong “mã số bộ môn” của thân đơn, sau chọn sẽ đưa ra dữ liệu “mã số bộ môn” và “người bảo quản” (nếu bấm F2 trong “mã số bộ môn” thì chỉ có thể kiểm tra mã số bộ môn, cần mở cửa xét hỏi dữ liệu người bảo quản trong hồ sơ “người bảo quản”). Ngoài ra sẽ đưa ra “Tài khoản khấu hao” đặt trong “hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập \ thao tác lập dữ liệu bộ môn”.
- Ghi chú khấu hao nếu là phân bổ “theo tỷ lệ cố định”, mở cửa trong chứng từ “mã số bộ môn” có thể xét duyệt tỷ lệ phân bổ của các bộ môn.
- Nhập “chi phí khấu hao” tính toán.
 - Nhập xong lưu trữ chấp hành quy trình ký xét duyệt, sau xét chuẩn chứng từ sẽ bày tỏ một chữ đỏ “CONFIRM”. Có thể kiểm tra kết quả trong “thao tác lập dữ liệu tài sản”, kết quả này như sau:

DL cơ bản		Dữ liệu hao mòn		Khấu trừ đầu tư		Xem DL	
NMCC	1003	Phân biệt quản lý		Nguyên tắc			
Tên tắt NCP	Asset	Số tháng bản	96	Loại tài	NTD	\$	
Nhà máy chế tạo	1003	Số tháng chưa phân bổ	26	Giá thành	120,000		
Tên tắt NCT	Asset	Ngày lấy được	2001/11/01	Nội tệ	Giá thành		
eV	台	Ngày xóa sổ	/ /	GT cai lương	0		
SL	1			Đánh giá lại giá chênh lệch	0		
				Giá chênh lệch	0		
Chú ý							

DL cơ bản		Dữ liệu hao mòn		Khấu trừ đầu tư		Xem DL	
Ppháp trừ hao mòn	1:Pháp quân bình	Hao mòn tích lũy	77,770				
Ppháp phân bổ	2:Theo tỷ lệ cố định	SL trên sổ	42,230				
Xong thủ tiếp lấy		Trị khuyết dự lưu	13,333				
Số tháng bản	0	Mục tài sản	1541				
Số tháng chưa phân	0		Machinery				
Số dư	0	Mục hao mòn tích lũy	1542				
Cột bắt đầu lấy	2001/11/01		Accum Depreciation for Machine				
		SL hao mòn cao nhất theo giảm dần cố định tỷ lệ	0				
		SL hao mỗi tháng Ppháp QB	1,111				

- “Trang:dữ liệu cơ bản”
số tháng chưa phân bổ:27 trừ 1→26
ngày xóa sổ: vị vẫn có “số tháng chưa phân bổ”, vậy không được viết lại “ngày xóa sổ”.
- “Trang:dữ liệu khấu hao”
Tích lũy khấu hao : 76659 cộng 1111→77770
SL trên sổ: giá thành lấy được 120000 trừ tích lũy khấu hao77770→42230

- ♦ Phương thức 2: hệ thống tự động thực hiện
- ♦ Vị trí thao tác:
 Hệ thống quản lý tài sản cố định \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập khấu hao tài sản
 Hệ thống quản lý tài sản cố định \ thao tác theo đợt \ Thao tác tự động khấu hao tài sản
- ♦ Giải thích ví dụ: trình bày chi phí hao mòn tháng 9 của tài sản “1541-01002 Electromotor”.

Chấp hành “thao tác hao mòn tự động phân bổ”:

- ♦ Giải thích trọng điểm:
 1. Chọn “tháng/năm phân bổ khấu hao ”>.
 2. Có thể chọn “loại TS” và “mã số tài sản” thực hiện đơn khấu hao .
 3. Hệ thống sẽ đặt “loại đơn khấu hao phân bổ” là “loại khấu hao” trong “hệ thống quản lý tài sản cố định \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập tham số tài sản cố định”.
 4. Ước tính “có phải liệt kê TS hoàn tất khấu hao là đã xóa sổ” đã vạch chọn, thì chứng từ thực hiện nếu là chi phí khấu hao cuối cùng, sẽ điền “ngày xóa sổ”, tiếp theo sẽ không trình bày khấu hao .
 5. Bấm phím “CN”, giao cho trung tâm xếp việc xử lý. Có thể xét hỏi kết quả trong “Thao tác thiết lập khấu hao tài sản”.

Chấp hành “đơn khấu hao tài sản” do “thao tác lập khấu hao tự động phân bổ” thực hiện:

Thao tác lập hao môn tài sản[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại CT: C60 6

Depreciation

Số đơn: 070930001 CONFIRM

Ngày CT: 2007/09/30

MS tài sản: 1541-01002

Tên TS: Electromotor

Quy cách tài sản: 300M

Chú ý: 2007/09月份折舊提列

Tiền phí hao môn: 1,111

Ngày B: 2007/09/30 ☒ Xóa số tự động

Chứng thực: ☐ PS mục chỉ

MS CT:

In: 0 Làn gửi: 0

Người CN: DS

System Administrator

Trạng thái xét: N:Không chấp hạn xét duyệt điện tử

Mã bộ môn	Tên bộ môn	Mức hao môn	Tên mục	Tiền phí hao môn	Chú ý
91	Manufacturing Division1	5515	Depreciation	611	2007/09
92	Manufacturing Division2	5515	Depreciation	500	2007/09

瀏覽 Số môn DL nội dung: 2 91 Manufacturing Division1 127.0.0.1 - 211

6. Sau xác nhận chứng từ này, sẽ ảnh hưởng đến dữ liệu sau của “Thao tác thiết lập dữ liệu tài sản”:

DL cơ bản Dữ liệu hao môn Khấu trừ đầu tư Xem DL

NMCC: 1003 6 Phân biệt quản lý: ☐

Tên tắt NCP: Asset Số tháng bản: 96

Nhà máy chế tạo: 1003 Số tháng chưa phân bổ 25

Tên tắt NCT: Asset Ngày lấy được: 2001/11/01

oV: ☐ Ngày xóa sổ: ☐

SL: 1

Chú ý:

Nguyên tệ: Loại tệ: NTD \$

Giá thành: 120,000

Nai tệ: Giá thành: 120,000

GT cai lương: 0

Đánh giá lại giá chênh lệch: 0

Giá chênh lệch: 0

DL cơ bản Dữ liệu hao môn Khấu trừ đầu tư Xem DL

Ppháp trừ hao môn: 1:Pháp quân bình 6

Ppháp phân bổ: 2:Theo tỷ lệ cố định

Xong thủ tiếp lấy: ☐

Số tháng bản: 0

Số tháng chưa phân: 0

Số dư: 0

Cột bắt đầu lấy: 2001/11/01

SL hao môn ca năm theo giam dân cố định tỷ lệ: 0

SL hao mỗi tháng Ppháp QB: 1,111

Hao môn tích lũy: 78,881

SL trên sổ: 41,119

Trị khuyết dự lưu: 13,333

Mục tài sản: 1541

Machinery

Mục hao môn tích lũy: 1542

Accum Depreciation for Machine

“Trang: dữ liệu cơ bản”

số tháng chưa phân bổ: 26 trừ 1 → 25

ngày xóa sổ: vì vẫn có “số tháng chưa phân bổ”, vậy không được viết lại “ngày xóa sổ”.

“Trang: dữ liệu khấu hao”

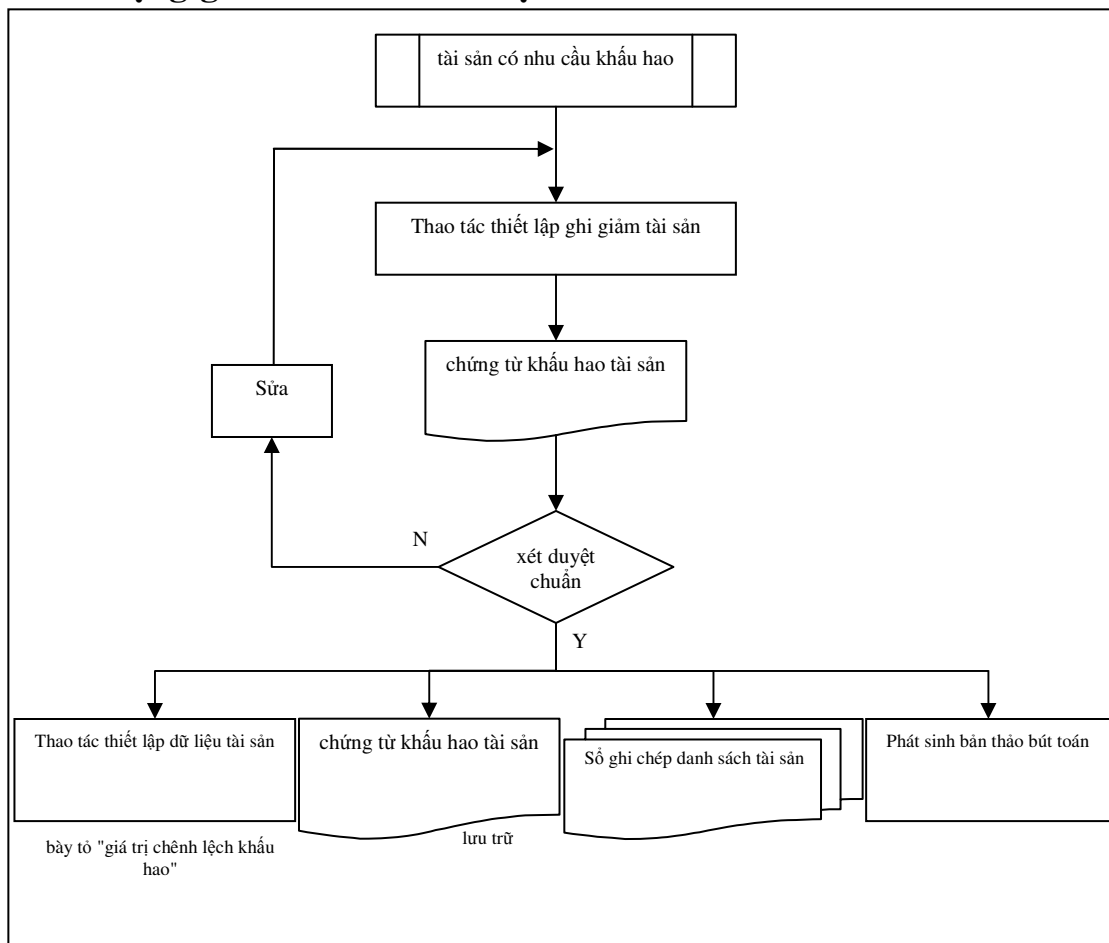
Tích lũy khấu hao: 77770 cộng 1111 → 78881

SL trên sổ: giá thành lấy được 120000 trừ tích lũy khấu hao 78881 → 41119

Luyện tập 6:

Trình bày chi phí khấu hao tháng này của tài sản “1541-01001 Crame” bằng “hệ thống quản lý tài sản cố định \ thao tác theo đợt \ Thao tác tự động khấu hao tài sản”, và kiểm tra lại kết quả chấp hành.

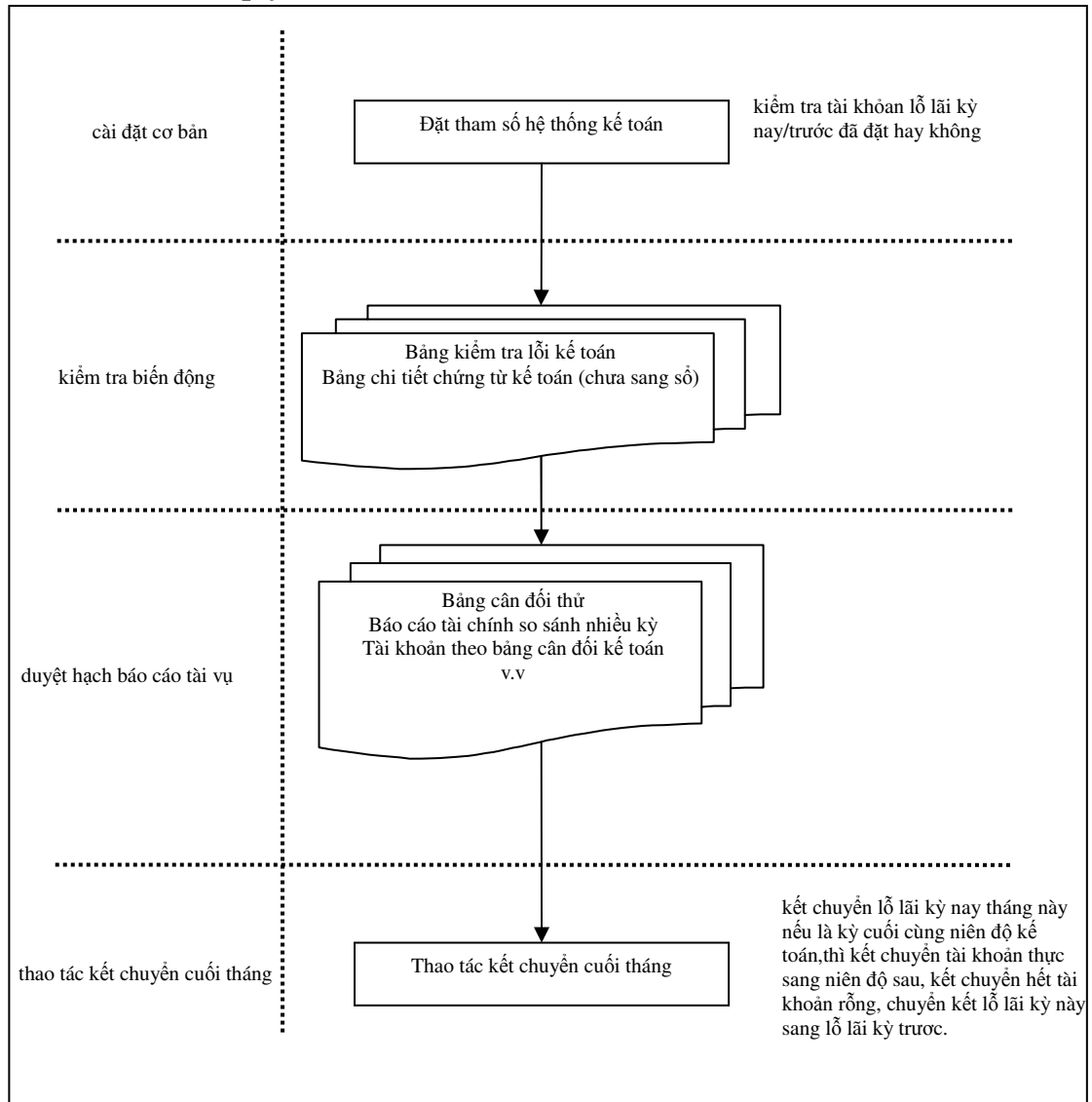
1. Biến động-giảm bù tài sản cố định



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý tài sản cố định \ bài biến động tài sản thao tác hàng ngày”.

m. Quy trình kết chuyển cuối tháng

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo bài mục khóa trình “hệ thống quản lý sổ cái kế toán \ bài thao tác duy trì hàng ngày tài vụ”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác:
Hệ thống quản lý sổ kế toán \ in bản báo cáo \ Bảng cân đối thử
Hệ thống quản lý sổ kế toán \ thao tác theo đợt \ Thao tác kết chuyển cuối tháng
- ♦ Thuyết minh kiểu mẫu: nhân viên tài chính in và kiểm tra “bảng cân đối thử”, chấp hành quy trình kết chuyển cuối tháng.

In “Bảng cân đối thử” (đặt mục chọn):

Bảng cân đối thử(ACIR20)[DSC]

Mục chọn cơ bản | Mục chọn cấp sau | Mục chọn HT

Chọn mã báo biểu 20002 試算表

Chọn ngày DL

Từ 01/01/2009 31

Đến 31/01/2009 31

✓ CN

✗ Hủy bỏ

↔ Chu kỳ

▶ Đặt riêng

🔍 Xem trước

Bảng cân đối thử(ACR20)(DSC)

Mục chọn cơ bản **Mục chọn cấp sau** Mục chọn HT

Chọn tỷ tiền Đồng

Chọn loại in TK quản lý

☐ In loại TK là phân loại

✓ CN

✗ Hủy bỏ

↺↻ Chu kỳ

▶ Đặt riêng

🔍 Xem trước

In “Bảng cân đối thử” (kiểu mẫu):

Bảng cân đối thử								
Đơn vị tiền: Đồng (VIETNAM DONG)								
Ngày lập biểu: 23/07/2009								
Kỳ: 01/01/2009 Đến 31/01/2009								
Mã TK	Mục	Số dư bên nợ đầu kỳ	Số dư bên có đầu kỳ	tiền bên nợ kỳ này	Số tiền bên có kỳ này	Bên Nợ	Bên Có	Số dư bên nợ cuối kỳ
1111	Tiền mặt Việt Nam đồng	32,733,072		394,029,200	424,508,699	2	18	2,263,573
1121	Tiền Việt Nam	678,907,235		121,533,250	284,927,789	2	13	535,512,697
1122	Ngoại tệ	5,427,717		1,830,304,449	497,180,884	4	3	1,346,551,282
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	1,646,645,200		45,662,600	1,692,307,800	1	1	
1311	Phải thu từ hoạt động kinh doanh	386,995,322		839,099,165	152,836,330	7	3	1,073,458,157
1388	Phải thu khác	56,053,253			5,732,105		2	50,321,148
141	Tạm ứng			8,000,000		1		8,000,000
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	135,952,576			57,769,525	1	1	78,183,051
144	Cầm cố kỳ quỹ kỳ cước ngắn hạn	238,958,968		17,480,000		1		256,438,968
1542	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	178,725,448						178,725,448
2114	Thiết bị dụng cụ quản lý	191,091,276						191,091,276
2135	Phần mềm máy vi tính	16,516,000						16,516,000
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		15,967,801		3,437,772		1	19,405,573
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình		825,800		458,778		1	1,284,578
242	Chi phí trả trước dài hạn	265,695,471			8,649,682		1	257,045,789
3311	Phải trả từ hoạt động kinh doanh		834,306,317	14,061,456	2,552,800	4	2	822,797,661
3335	Thuế thu nhập cá nhân		64,389,010	33,332,439	9,768,278	1	2	40,824,849
3338	Các loại thuế khác			2,000,000				
3341	Phải trả công nhân viên VN		40,717,491	41,958,889	28,467,819	6	1	27,226,421
3342	Phải trả người lao động nước ngoài		115,053,067	129,899,072	121,741,600	4	1	106,895,595
3358	Chi phí phải trả khác		379,496,592	336,144,600	198,252,106	2	1	241,604,098
3363	Bảo hiểm xã hội			2,960,000	2,960,000	1	1	
3364	Bảo hiểm y tế			444,000	444,000	1	1	
3388	Phải trả phải nộp khác		113,511,964	21,140,000		1		92,371,964
4111	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,415,291,040					3,415,291,040
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	1,145,859,544						1,145,859,544
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ			31,520,000	839,099,165	1	7	807,579,165
5151	Thu lãi tiền gửi				25,334,034		3	25,334,034
5152	Thu do đánh giá tài sản và chuyển đ				45,882,800		1	45,882,800
6222	Chi phí nhân công trực tiếp - DV tư v			53,338,400		1		53,338,400
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài			7,407,000		1		7,407,000
6322	Giá vốn hàng bán - DV tư vấn & sửa			198,252,106		1		198,252,106
6421	Chi phí nhân viên quản lý			99,535,019		6		99,535,019
6422	Chi phí vật liệu quản lý			560,000		2		560,000
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng			8,649,682		1		8,649,682
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ			3,896,550		2		3,896,550
6425	Thuế phí và lệ phí			670,245		2		670,245
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài			112,946,883		20		112,946,883
6428	Chi phí bằng tiền khác			17,309,280		9		17,309,280
8118	Các khoản chi phí khác			53,480		1		53,480
	Tổng cộng:	4,979,559,082	4,979,559,082	4,372,187,765	4,371,891,765	86	64	5,646,573,578

Ghi chú:

- Nếu CT đầu tiên có sai lầm, có thể trực tiếp để CT phục hồi sang sổ, hủy bỏ xác nhận, sửa chữa, xác nhận lại, sang sổ lại (không cần chấp hành lại “thao tác kết chuyển cuối tháng”, nhưng cần chú ý “ngày CT” cần lớn hơn với “loại kỳ khóa sổ kế toán”), thì có thể kiểm xét lại các bản báo cáo “bảng cân đối thử”, “bảng xác định kết quả hoạt động kinh doanh” và “bảng cân đối kế toán” v.v.

Chấp hành “Thao tác kết chuyển cuối tháng”:

Kết chuyển cuối tháng[Success]

Mục chọn cơ bản

Mục chọn HT

Năm kế toán kết chuyển

2007

Kỳ kế toán kết chuyển

08

✓ CN

✗ Hủy bỏ

⏮️ Chu kỳ

▶️ Đặt riêng

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Mở thao tác này, không cần đặt điều kiện chấp hành nào đó, hệ thống sẽ đặt trước “kỳ kế toán hiện có” là năm/tháng trong kết chuyển “hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập \ Thao tác thiết lập tham số tài chính”, bấm phím “CN” cho trung tâm xếp việc xử lý.

Luyện tập 7:

In và xét hỏi “bảng cân đối thử”, và chấp hành kết chuyển cuối tháng của tháng này.